

BỘ TÀI CHÍNH**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2202/BTC-HCSN

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2020

V/v góp ý dự thảo Nghị định quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị SNCL (thay thế Nghị định số 16/2015/NĐ-CP).

Kính gửi:

Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 08/NQ-CP ngày 24/1/2018 về Chương trình hành động của Chính phủ triển khai Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập (đơn vị SNCL); trong đó giao Bộ Tài chính chủ trì việc nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị SNCL (Nghị định số 16/2015/NĐ-CP).

Thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/CP ngày 11/6/2019 của Chính phủ về phiên họp thường kỳ tháng 5 năm 2019 và ý kiến chỉ đạo của Lãnh đạo Chính phủ tại Thông báo số 252/TB-VPCP ngày 22/7/2019 và số 14/TB-VPCP ngày 10/01/2020 của Văn phòng Chính phủ; căn cứ ý kiến đề xuất của các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực về cơ chế tự chủ tài chính có tính đặc thù của đơn vị SNCL trong các ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của các Bộ; Bộ Tài chính đã xây dựng dự thảo Tờ trình Chính phủ và dự thảo Nghị định quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị SNCL (thay thế Nghị định số 16/2015/NĐ-CP); dự thảo Nghị định được đăng trên website của Bộ Tài chính www.mof.gov.vn (chuyên mục Bộ Tài chính với công dân/Đóng góp ý kiến dự thảo văn bản).

Để việc xây dựng các nội dung tại dự thảo Nghị định có chất lượng, hiệu quả, đảm bảo tính khả thi, đề nghị Quý cơ quan nghiên cứu, cho ý kiến bằng văn bản đối với dự thảo Nghị định và Tờ trình nêu trên để Bộ Tài chính tổng hợp, báo cáo Chính phủ.

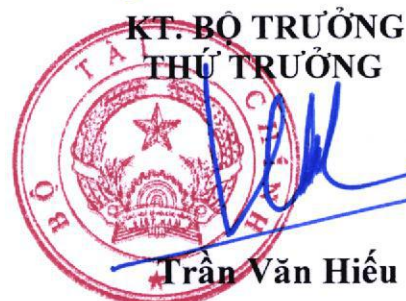
Ý kiến tham gia xin gửi về Bộ Tài chính (Vụ Tài chính Hành chính sự nghiệp) **trước ngày 15/3/2020**.

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý cơ quan./.

Nơi nhận: 

- Như trên;
- Phó TTCP Vũ Đức Đam (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Công TTĐT Chính phủ;
- Cục TH&TKTC (để đăng website);
- Lưu: VT, HCSN

(20b)



DANH SÁCH CÁC BỘ NGÀNH GỬI LẤY Ý KIẾN

1. CÁC BỘ, CƠ QUAN NGANG BỘ, CƠ QUAN THUỘC CHÍNH PHỦ

- 1.1. Bộ Quốc phòng;
- 1.2. Bộ Công an;
- 1.3. Bộ Ngoại giao;
- 1.4. Bộ Nội vụ;
- 1.5. Bộ Tư pháp;
- 1.6. Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- 1.7. Bộ Tài chính;
- 1.8. Bộ Công thương;
- 1.9. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- 1.10. Bộ Giao thông vận tải;
- 1.11. Bộ Xây dựng;
- 1.12. Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- 1.13. Bộ Thông tin và Truyền thông;
- 1.14. Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội;
- 1.15. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- 1.16. Bộ Khoa học và Công nghệ;
- 1.17. Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- 1.18. Bộ Y tế;
- 1.19. Ủy ban dân tộc;
- 1.20. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- 1.21. Thanh tra Chính phủ;
- 1.22. Đài Tiếng nói Việt Nam;
- 1.23. Đài Truyền hình Việt Nam;
- 1.24. Ban Quản lý lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh;
- 1.25. Bảo hiểm xã hội Việt Nam;
- 1.26. Thông tấn xã Việt Nam;
- 1.27. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh;
- 1.28. Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam;
- 1.29. Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam.

2. ỦY BAN NHÂN DÂN CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG

3. CÁC ĐƠN VỊ THUỘC BỘ TÀI CHÍNH

- 3.1. Vụ NSNN;
- 3.2. Vụ Pháp chế;
- 3.3. Cục Kế hoạch Tài chính;
- 3.4. Cục Quản lý công sản;
- 3.5. Cục Tài chính doanh nghiệp;
- 3.6. Vụ Chính sách thuế;
- 3.7. Các đơn vị sự nghiệp của Bộ, gồm:
 - Viện Chiến lược và Chính sách tài chính;
 - Học viện Tài chính;
 - Trường Đại học Tài chính – Quản trị Kinh doanh;
 - Trường Đại học Tài chính – Kế toán;
 - Thời báo Tài chính Việt Nam;
 - Tạp chí Tài chính;

Số: /TTr-BTC

Hà Nội, ngày tháng 3 năm 2020

DỰ THẢO**TỜ TRÌNH****Về việc ban hành Nghị định quy định về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập**

Kính gửi: Chính phủ

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; căn cứ Nghị quyết số/NQ-CP ngày...../3/2020 của Chính phủ về việc thông qua đề nghị xây dựng Nghị định quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập (đơn vị SNCL); thực hiện ý kiến kết luận của Lãnh đạo Chính phủ tại các Thông báo số 252/TB-VPCP ngày 22/7/2019 và số 14/TB-VPCP ngày 10/01/2020 của Văn phòng Chính phủ; Bộ Tài chính đã xây dựng Nghị định quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập (sau đây gọi tắt là dự thảo Nghị định). Bộ Tài chính đã có Tờ trình Chính phủ số 205/TTr-BTC ngày 27/12/2019 về việc đề nghị xây dựng Nghị định quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập (SNCL).

Dự thảo Nghị định đã được Bộ Tài chính gửi lấy ý kiến tham gia của các Bộ, ngành và địa phương 2 lần:

Lần thứ nhất: Bộ Tài chính đã có công văn số 15765/BTC-HCSN ngày 18/12/2018 lấy ý kiến các Bộ, địa phương; đăng website của Bộ Tài chính, Cổng thông tin điện tử Chính phủ để lấy ý kiến rộng rãi theo quy định. Đến ngày 22/02/2019, Bộ Tài chính đã nhận được 69 ý kiến tham gia, trong đó có 18 ý kiến của các Bộ, ngành; 47 ý kiến của UBND các tỉnh, thành phố; 04 ý kiến của các cơ quan, đơn vị khác.

Tiếp đó, thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/CP ngày 11/6/2019 của Chính phủ; trên cơ sở ý kiến kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ về nội dung dự thảo Nghị định tại Thông báo số 252/TB-VPCP ngày 22/7/2019 của Văn phòng Chính phủ, Bộ Tài chính đã có 02 công văn số 8030/BTC-HCSN ngày 12/7/2019 và số 8815/BTC-HCSN ngày 01/8/2019 gửi 08 Bộ liên quan đề nghị cho ý kiến dự thảo Nghị định và cung cấp các hồ sơ, tài liệu liên quan đến đặc thù của lĩnh vực. Bộ Tài chính đã nhận được đầy đủ văn bản của các Bộ: Bộ Tư pháp (*công văn số 2880/BTP-PLDSKT ngày 01/8/2019*), Bộ Văn hóa- Thể thao và Du lịch (*công văn số 2979/BVHTTDL-KHTC ngày 31/7/2019*), Bộ Nội vụ (*công văn số 3678/BNV-*

TCBC ngày 09/8/2019), Bộ Khoa học và Công nghệ (công văn số 2636/BKHCN-KHTC ngày 26/8/2019), Bộ Giáo dục và Đào tạo (công văn số 3447/BGDĐT-KHTC ngày 12/8/2019), Bộ Y tế (công văn số 4915/BYT-KH-TC ngày 23/8/2019), Bộ Thông tin và Truyền thông (công văn số 2624/TTTT-KHTC ngày 08/8/2019), Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội (công văn số 3455/LĐTBXH-KHTC ngày 09/8/2019). Về cơ bản ý kiến của các Bộ, ngành, địa phương là thống nhất với đề xuất xây dựng Nghị định.

Căn cứ vào đề nghị của Bộ Tài chính tại công văn số 11963/BTC-HCSN ngày 8/10/2019, Bộ Tư pháp đã có Báo cáo thẩm định số 229/ BCTĐ-BTP ngày 07/11/2019 đối với đề nghị xây dựng Nghị định. Theo đó, Bộ Tư pháp nhất trí về sự cần thiết ban hành Nghị định, cơ bản nhất trí với dự kiến phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng của Nghị định; bên cạnh đó có một số ý kiến đề nghị bổ sung, làm rõ một số nội dung trong dự thảo Nghị định.

Lần thứ hai: Tiếp thu ý kiến của các Bộ, ngành và ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp tại văn bản số 229/ BCTĐ-BTP ngày 07/11/2019, Bộ Tài chính đã hoàn thiện dự thảo Nghị định và có Công văn số/BTC-HCSN ngày .../3/2020; đồng thời đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ và Bộ Tài chính để lấy ý kiến tham gia rộng rãi của các cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Dự thảo Nghị định đã được Bộ Tư pháp thẩm định tại Báo cáo/BC-BTP ngày.....; Bộ Tài chính đã tiếp thu, chỉnh lý hoàn thiện và trình Chính phủ ban hành Nghị định quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị SNCL, với các nội dung cơ bản sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH

1. Thực hiện chủ trương của Đảng về đổi mới cơ chế quản lý, cơ chế hoạt động của đơn vị SNCL, trọng tâm là cơ chế tự chủ tài chính

a) Nghị quyết số 07-NQ/TW ngày 18/11/2016 của Bộ Chính trị về chủ trương, giải pháp cơ cấu lại ngân sách nhà nước (NSNN), quản lý nợ công để bảo đảm nền tài chính quốc gia an toàn, bền vững khẳng định: *Tăng cường đổi mới khu vực sự nghiệp công lập, tạo bước đột phá về chất lượng, hiệu quả; từng bước tinh đúng, tinh đủ chi phí vào giá dịch vụ công và có chính sách hỗ trợ phù hợp cho đối tượng chính sách, người nghèo, người yếu thế trong xã hội.*

b) Nghị quyết số 19/NQ-TW ngày 25/10/2017 của Bộ Chính trị về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của đơn vị SNCL đã đề ra mục tiêu tổng quát: *Đổi mới căn bản, toàn diện và đồng bộ hệ thống các đơn vị SNCL... giảm mạnh tỉ trọng, nâng cao hiệu quả chi ngân sách nhà nước cho đơn vị SNCL để cơ cấu lại NSNN, cải cách tiền lương và nâng cao thu nhập cho cán bộ, viên chức trong đơn vị SNCL. Phát triển thị trường dịch vụ sự nghiệp công và thu hút mạnh mẽ các thành phần kinh tế tham gia phát triển dịch vụ sự nghiệp công.* Theo đó, hoàn thiện cơ chế tài chính được coi là một trong những giải pháp quan trọng để đạt được mục tiêu với nội dung trọng tâm như sau:

(1) Hoàn thiện pháp luật về cơ chế tự chủ đối với các đơn vị SNCL thuộc các ngành, lĩnh vực trên cơ sở mức độ tự chủ về tài chính, tăng cường phân cấp và tăng tính chủ động cho các đơn vị SNCL.

(2) Phân định rõ hoạt động thực hiện nhiệm vụ chính trị do Nhà nước giao với hoạt động kinh doanh dịch vụ của các đơn vị SNCL. Xây dựng và hoàn thiện các danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN theo nguyên tắc: Đối với các dịch vụ thiết yếu thì Nhà nước bảo đảm kinh phí; đối với các dịch vụ cơ bản thì Nhà nước hỗ trợ kinh phí để thực hiện; đối với các dịch vụ mang tính đặc thù của một số ngành, lĩnh vực thì thực hiện theo cơ chế đặt hàng hoặc đấu thầu để tạo điều kiện cho các cơ sở ngoài công lập cùng tham gia; đối với các dịch vụ khác thì đẩy mạnh thực hiện theo cơ chế xã hội hoá, huy động sự tham gia cung ứng của các thành phần kinh tế.

(3) Đẩy nhanh tiến độ chuyển đổi từ phí sang thực hiện giá dịch vụ sự nghiệp công theo hướng Nhà nước quy định khung giá dịch vụ, từng bước tính đủ các chi phí đối với các loại dịch vụ cơ bản, thiết yếu, đồng thời cần gắn với chính sách hỗ trợ phù hợp cho người nghèo, đối tượng chính sách. Đối với giá dịch vụ sự nghiệp công không sử dụng NSNN, giao quyền tự chủ cho các đơn vị cung ứng dịch vụ tự quyết định theo nguyên tắc bảo đảm bù đắp chi phí và có tích lũy.

(4) Đổi mới cơ chế phân bổ nguồn lực, quản lý, cấp phát NSNN. NSNN bảo đảm đầu tư cho các dịch vụ công cơ bản, thiết yếu và đối với các đơn vị SNCL ở các địa bàn vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc ít người.

(5) Phân loại các đơn vị SNCL theo mức độ tự chủ khác nhau về tài chính. Đối với đơn vị đã tự chủ về tài chính, được trả lương theo kết quả hoạt động. Đối với đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên, thực hiện trả lương theo ngạch, bậc, chức vụ và các khoản phụ cấp theo quy định hiện hành; đối với phần tăng thu, tiết kiệm chi, được trích lập các quỹ bổ sung thu nhập và phát triển hoạt động sự nghiệp. Các đơn vị được giao tự chủ tài chính ổn định từ 3 đến 5 năm theo phương án thu chi tài chính được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Đối với các đơn vị được Nhà nước bảo đảm toàn bộ kinh phí hoạt động, cần đẩy mạnh thực hiện cơ chế khoán chi.

c) Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018 của Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp đã đề ra nội dung cải cách:

- Đơn vị SNCL tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, hoặc tự bảo đảm chi thường xuyên và các quỹ tài chính nhà nước ngoài NSNN được thực hiện cơ chế tự chủ tiền lương theo kết quả hoạt động như doanh nghiệp.

- Đơn vị SNCL tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị SNCL do ngân sách nhà nước bảo đảm toàn bộ chi thường xuyên thì áp dụng chế độ tiền lương như công chức. Tiền lương thực trả gắn với vị trí việc làm, chức danh nghề nghiệp viên chức do người đứng đầu đơn vị SNCL quyết định trên cơ sở nguồn thu (từ ngân sách nhà nước cấp và từ nguồn thu của đơn vị), năng suất lao động,

chất lượng công việc và hiệu quả công tác theo quy chế trả lương của đơn vị, không thấp hơn chế độ tiền lương do Nhà nước quy định.

2. Đảm bảo tính thống nhất đồng bộ với các văn bản pháp luật hiện hành và định hướng sửa đổi bổ sung các văn bản pháp luật liên quan

Nghị định số 16/2015/NĐ-CP được ban hành và có hiệu lực từ năm 2015. Từ đó đến nay, nhiều văn bản pháp luật mới về đầu tư, tài chính đã được ban hành và có hiệu lực, như Luật Đầu tư công; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Luật NSNN; Luật Phí và lệ phí; Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng NSNN từ nguồn kinh phí chi thường xuyên (Nghị định số 32/2019/NĐ-CP),...Do đó, việc ban hành Nghị định về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị SNCL thay thế Nghị định số 16/2015/NĐ-CP là cần thiết, nhằm điều chỉnh hoạt động của đơn vị SNCL đảm bảo thống nhất, đồng bộ với các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan đến việc thực hiện cơ chế tự chủ của đơn vị SNCL.

3. Đáp ứng nhu cầu thực tiễn của việc đổi mới cơ chế quản lý và đẩy mạnh xã hội hóa một số loại hình dịch vụ sự nghiệp công

Nghị định số 16/2015/NĐ-CP là Nghị định khung quy định các vấn đề chung về cơ chế tự chủ của các đơn vị SNCL. Theo đó, các đơn vị SNCL được phân thành 4 loại sau: (1) Đơn vị SNCL tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư; (2) Đơn vị SNCL tự bảo đảm chi thường xuyên; (3) Đơn vị SNCL tự bảo đảm một phần chi thường xuyên; (4) Đơn vị SNCL do NSNN bảo đảm chi thường xuyên.

Theo báo cáo số 238-CV/BCSĐCP ngày 19/9/2017 của Ban cán sự Đảng Chính phủ về Đề án đổi mới cơ chế quản lý tài chính và tổ chức lại hệ thống đơn vị SNCL, tính đến hết năm 2016, trong 57.171 đơn vị SNCL thực hiện giao cơ chế tự chủ về tài chính theo các mức độ khác nhau, cụ thể như sau: (1) Tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư có 123 đơn vị, chiếm tỷ lệ 0,21%; (2) Tự bảo đảm chi thường xuyên có 1.934 đơn vị, chiếm tỷ lệ 3,33%; (3) Tự bảo đảm một phần chi thường xuyên có 12.968 đơn vị, chiếm tỷ lệ 22,36%; (4) Số còn lại (42.146 đơn vị, chiếm tỷ lệ 72,67%) do NSNN (NSNN) bảo đảm toàn bộ kinh phí hoạt động.

Nghị định 16/2015/NĐ-CP được ban hành đã mang lại một số kết quả tích cực, như: Tăng quyền tự chủ các đơn vị SNCL trong sử dụng tài sản, nguồn lực tài chính, nhân lực trong cung cấp dịch vụ công, tạo điều kiện sử dụng các thế mạnh về tài sản, nguồn lực tài chính, nhân lực để cung cấp dịch vụ công theo cơ chế thị trường; Tăng số lượng dịch vụ công, đa dạng hóa loại hình, nâng cao chất lượng dịch vụ công cung cấp; Cải thiện điều kiện, tăng thu nhập cho người lao động, tăng cường tích lũy phát triển cơ sở vật chất đơn vị SNCL.

Tuy vậy, bên cạnh những kết quả tích cực, thực tiễn thời gian qua cho thấy tồn tại một số hạn chế, cụ thể như sau:

(1) Việc xây dựng văn bản hướng dẫn Nghị định 16/2015/NĐ-CP chậm:

- Theo quy định thì Nghị định 16/2015/NĐ-CP ban hành các nội dung có tính chất quy định khung; tiếp theo Nghị định 16/2015/NĐ-CP, các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực phải trình Chính phủ ban hành 07 Nghị định của 07 lĩnh vực (giáo dục - đào tạo; y tế; văn hóa- thể thao và du lịch; giáo dục nghề nghiệp; thông tin truyền thông và báo chí; khoa học và công nghệ; sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác). Tuy nhiên, do đặc thù của lĩnh vực giáo dục đào tạo và trên cơ sở đề xuất của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Chính phủ đã đồng ý tách thành 02 Nghị định: (i) giáo dục đại học và (ii) giáo dục phổ thông và giáo dục khác. Như vậy, số lượng Nghị định tự chủ phải ban hành là 08 Nghị định (tăng 01 Nghị định).

Đến nay, trong 08 Nghị định cần phải ban hành để cụ thể hóa các quy định của Nghị định 16/2015/NĐ-CP đối với từng vực sự nghiệp thì Chính phủ mới ban hành được 02 Nghị định (Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14/6/2016 quy định cơ chế tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập; (ii) Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 quy định cơ chế tự chủ của đơn vị SNCL trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác), còn 06 Nghị định chưa được ban hành.

(2) Hiện nay cơ chế phân bổ, quản lý, sử dụng kinh phí NSNN cho cung cấp dịch vụ công về cơ bản vẫn thực hiện theo yếu tố đầu vào, theo chức năng, nhiệm vụ, theo mức độ phân loại tự chủ của đơn vị SNCL ổn định trong 3 năm; chưa gắn việc giao dự toán với số lượng, chất lượng sản phẩm, dịch vụ công.

(3) Về thực hiện cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ cung ứng sản phẩm dịch vụ SNC còn một số hạn chế:

- Số lượng danh mục sản phẩm, dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN áp dụng các phương thức giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu còn hạn chế và chưa được quy định cụ thể, rõ ràng.

- Các định mức kinh tế - kỹ thuật còn thiếu, gây khó khăn trong việc xác định đơn giá cũng như triển khai trong phân bổ NSNN theo cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ, đấu thầu gắn với số lượng, chất lượng sản phẩm dịch vụ công.

(4) Việc chuyển đổi từ phí sang giá và lộ trình điều chỉnh giá dịch vụ sự nghiệp công chưa kịp thời (đến nay, mới có lĩnh vực y tế đã ban hành khung giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh có bảo hiểm y tế và không có bảo hiểm y tế; đối với các lĩnh vực sự nghiệp công khác vẫn chưa được các Bộ, ngành và địa phương triển khai thực hiện).

(5) Việc giao tài sản cho đơn vị quản lý theo cơ chế giao vốn như doanh nghiệp còn chậm. Hệ thống tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản chưa tạo chủ động cho các đơn vị SNCL. Việc sử dụng tài sản công còn phân tán, có nơi lãng phí, hiệu suất thấp và chưa được khai thác hiệu quả, đặc biệt là nhà đất.

(6) Chế độ kế toán hành chính sự nghiệp đã bộc lộ nhiều nội dung không phù hợp với cơ chế tài chính, ngân sách và chế độ báo cáo theo quy định mới. Một số nội dung về cơ chế tài chính hoặc các nghiệp vụ kinh tế thực tế phát sinh chưa được hướng dẫn cụ thể trong chế độ kế toán, dẫn đến các đơn vị thực hiện còn khác nhau.

(7) Chưa xây dựng được tiêu chuẩn dịch vụ và các tiêu chí đánh giá chất lượng dịch vụ SNC để kiểm định chất lượng cung ứng dịch vụ làm cơ sở cấp kinh phí hoạt động cho đơn vị SNCL và sắp xếp lại các đơn vị SNCL hoạt động kém hiệu quả.

(8) Việc thanh tra, kiểm tra và đánh giá hoạt động của đơn vị SNCL còn nhiều hạn chế do còn thiếu nhiều các tiêu chí đánh giá chất lượng từng loại hình dịch vụ sự nghiệp công.¹

Việc nghiên cứu, ban hành Nghị định mới nhằm khắc phục tồn tại, hạn chế và đáp ứng yêu cầu thực tế về việc giao quyền tự chủ của đơn vị SNCL (về phân loại đơn vị tự chủ tài chính, cơ chế tiền lương, sử dụng chênh lệch thu chi, chi trả thu nhập tăng thêm, trích lập các Quỹ,...); đảm bảo quy định bao quát, thống nhất thực hiện cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp trong từng lĩnh vực.

Trên cơ sở các lý do nêu trên, tại Nghị quyết số 08/NQ-CP ngày 24/01/2018 của Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 19/NQ-TW đã giao nhiệm vụ cho Bộ Tài chính xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 16/2015/NĐ-CP; và Nghị quyết số 39/NQ-CP ngày 11/6/2019 về Phiên họp thường kỳ Chính phủ tháng 5 năm 2019, Chính phủ đã giao Bộ Tài chính: *Nghiên cứu, xây dựng dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ theo hướng quy định về cơ chế tự chủ về tài chính của đơn vị SNCL chung cho tất cả các lĩnh vực.* Vì vậy, việc trình Chính phủ ban hành Nghị định quy định về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị SNCL là phù hợp với chủ trương của Đảng, có cơ sở pháp lý và cần thiết.

II. QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH

1. Việc xây dựng Nghị định mới phải bảo đảm đáp ứng được yêu cầu thực tiễn trong thực hiện các chủ trương đổi mới cơ chế hoạt động, cơ chế tự chủ của các đơn vị SNCL đã được thể hiện trong các Nghị quyết số 07-NQ/TW ngày 18/11/2016 của Bộ Chính trị về chủ trương, giải pháp cơ cấu lại ngân sách nhà nước (NSNN), quản lý nợ công; số 19/NQ-TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị SNCL; Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018 của Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về cải cách chính sách tiền lương

2. Đảm bảo tính thống nhất đồng bộ với các văn bản pháp luật hiện hành: như Luật Đầu tư công; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Luật NSNN; Luật Phí và lệ phí; Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng NSNN từ nguồn kinh phí chi thường xuyên,...).

3. Kế thừa các nội dung quy định tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP còn phù hợp; đồng thời khắc phục được tồn tại, hạn chế của Nghị định 16/2015/NĐ-CP, nhằm đẩy mạnh cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị SNCL.

¹ Đến nay mới có 3 Bộ ban hành cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng dịch vụ sự nghiệp công là Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Y tế.

III. NỘI DUNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

Lĩnh vực dịch vụ sự nghiệp công rất phức tạp và đa dạng, mỗi ngành, lĩnh vực đều có những đặc thù riêng. Vì vậy, tại thời điểm ban hành Nghị định số 16/2015/NĐ-CP; Chính phủ đã yêu cầu các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực căn cứ khung quy định tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP để chủ trì, xây dựng cơ chế tự chủ riêng phù hợp với đặc điểm của từng, ngành lĩnh vực. Tuy vậy, đến nay sau 5 năm kể từ khi Nghị định số 16/2015/NĐ-CP được ban hành, các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực (nhất là đối với 02 ngành, lĩnh vực dịch vụ sự nghiệp công chiếm tỷ trọng lớn trong tổng số các dịch vụ sự nghiệp công là giáo dục, đào tạo và y tế) đều chưa hoàn thành nhiệm vụ này.

Tại Nghị quyết số 39/NQ-CP ngày 11/6/2019 về Phiên họp thường kỳ Chính phủ tháng 5 năm 2019, Chính phủ đã giao Bộ Tài chính: *Nghiên cứu, xây dựng dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ theo hướng quy định về cơ chế tự chủ về tài chính của đơn vị SNCL chung cho tất cả các lĩnh vực.* Bộ Tài chính nhận thấy đây là một việc rất khó, đòi hỏi có thời gian nghiên cứu, đánh giá khoa học và sự phối hợp chặt chẽ của các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực trong việc đề xuất các cơ chế chính sách đặc thù đảm bảo tính khả thi trong quá trình thực hiện và phù hợp với định hướng đổi mới cơ chế hoạt động của các đơn vị SNCL nêu tại Nghị quyết số 19-NQ/TW.

Theo đó, để đảm bảo tiến độ ban hành Nghị định quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị SNCL nhằm đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất với các quy định của Chính phủ về tổ chức bộ máy, nhân sự của đơn vị SNCL khi Luật viên chức có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2020; căn cứ các nhiệm vụ và giải pháp về hoàn thiện cơ chế tài chính của đơn vị SNCL nêu tại Nghị quyết số 19-NQ-TW; trên nguyên tắc kế thừa các nội dung quy định tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP còn phù hợp; Bộ Tài chính trình Chính phủ một số nội dung quy định tại dự thảo Nghị định mang tính bao quát chung, có tính khả thi và có thể áp dụng thực hiện được ngay sau khi Nghị định được ban hành, đã được nghiên cứu để sửa đổi, bổ sung so với quy định tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP như sau:

1. Quy định về danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN (Điều 5 dự thảo Nghị định)

1.1. Quy định hiện hành:

Nghị định số 16/2015/NĐ-CP quy định: Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành: (a) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan Trung ương xác định danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước của ngành, lĩnh vực quản lý trình Thủ tướng Chính phủ quy định, sau khi có ý kiến của Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư; (b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước theo phân cấp thuộc phạm vi quản lý của địa phương (trừ danh mục dịch vụ sự nghiệp công Thủ tướng Chính phủ ban hành tại Điểm a Khoản 1 Điều này).

Tuy vậy, Nghị định số 16/2015/NĐ-CP chưa quy định về tiêu chí xác định danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN, dẫn đến tình trạng khó khăn cho cơ quan tài chính tham gia ý kiến với các Bộ, ngành về nội dung danh mục; đồng thời danh mục được ban hành còn mang tính hình thức và chưa thực sự gắn với yêu cầu tái cơ cấu kinh phí hỗ trợ từ NSNN cho các dịch vụ sự nghiệp công

1.2. Dự thảo Nghị định:

- Hiện nay, Nghị định số 32/2019/NĐ-CP của Chính phủ đã quy định khung danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí NSNN theo ngành, lĩnh vực và giao Thủ tướng Chính phủ quyết định chi tiết các danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN theo ngành, lĩnh vực và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định chi tiết danh mục thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

Theo đó, căn cứ nguyên tắc nêu tại Nghị quyết số 19-NQ/TW về xây dựng và hoàn thiện danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN (Điểm 6 Phần III) và trên cơ sở kế thừa quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP; dự thảo Nghị định bổ sung quy định về tiêu chí xác định dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN; bổ sung quy định về khung danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN theo hướng dẫn chi tiết quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP theo hướng như sau:

“1. Tiêu chí xác định dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước:

a) Các dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu do ngân sách nhà nước đảm bảo chi phí được quy định tại các Luật chuyên ngành.

b) Các dịch vụ phục vụ nhiệm vụ chính trị, quản lý nhà nước, dịch vụ không có khả năng xã hội hóa. Việc xác định, phân loại danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước phải phù hợp với khả năng của ngân sách nhà nước và lộ trình điều chỉnh giá dịch vụ theo quy định của cấp có thẩm quyền.

2. Khung danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước

Căn cứ tiêu chí xác định danh mục danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước quy định tại Khoản 1 Điều này và khung danh mục dịch vụ sự nghiệp công quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Nghị định số 32/2019/NĐ-CP của Chính phủ; Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan Trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xác định danh mục chi tiết dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý hoặc dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước của ngành, lĩnh vực quản lý theo thẩm quyền trình Thủ tướng Chính phủ quyết định,....”

2. Quy định về giá dịch vụ sự nghiệp công, lộ trình tính giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí NSNN (Điều 6, Điều 7 dự thảo Nghị định)

2.1. Quy định hiện hành:

Nghị định số 16/2015/NĐ-CP quy định lộ trình tính giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước: (a) Đến năm 2016: Tính đủ chi phí tiền lương, chi phí trực tiếp (chưa tính chi phí quản lý và chi phí khấu hao tài

sản cố định); (b) Đến năm 2018: Tính đủ chi phí tiền lương, chi phí trực tiếp và chi phí quản lý (chưa tính chi phí khấu hao tài sản cố định); (c) Đến năm 2020: Tính đủ chi phí tiền lương, chi phí trực tiếp, chi phí quản lý và chi phí khấu hao tài sản cố định.

Theo lộ trình trên, đến năm 2020 giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước phải được *Tính đủ chi phí tiền lương, chi phí trực tiếp, chi phí quản lý và chi phí khấu hao tài sản cố định*. Tuy vậy, trên thực tế đến nay nhiều Bộ, cơ quan trung ương, địa phương vẫn chưa thực hiện điều chỉnh hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền điều chỉnh giá dịch vụ sự nghiệp công theo lộ trình quy định tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP (đến nay, mới có lĩnh vực y tế đã ban hành khung giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh có bảo hiểm y tế và không có bảo hiểm y tế). Điều này đã dẫn đến việc thực hiện cơ chế tự chủ tài chính còn chưa đầy đủ, thiếu minh bạch và NSNN vẫn phải tiếp tục bao cấp các đơn vị SNCL.

Bên cạnh đó, Nghị định số 16/2015/NĐ-CP quy định giá dịch vụ sự nghiệp công được xác định trên cơ sở định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí do cơ quan có thẩm quyền ban hành và lộ trình tính đủ chi phí theo quy định. Tuy vậy, nhiều định mức kinh tế - kỹ thuật của ngành, lĩnh vực thuộc trách nhiệm ban hành của các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành còn thiếu, chưa đồng bộ, dẫn đến khó khăn trong việc xác định đơn giá đặt hàng, đấu thầu. Vì vậy, các nội dung quy định tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP về nguyên tắc tính giá và lộ trình tính giá dịch vụ sự nghiệp công thiếu tính khả thi trong thực tiễn.

2.2. Dự thảo Nghị định:

Căn cứ lộ trình tính giá nêu tại Nghị quyết số 19-NQ/TW (*Đến năm 2021 hoàn thành lộ trình tính giá dịch vụ sự nghiệp công (tính đủ tiền lương, chi phí trực tiếp, chi phí quản lý và khấu hao tài sản cố định) đối với một số lĩnh vực cơ bản như y tế, giáo dục đào tạo, giáo dục nghề nghiệp*); đồng thời khắc phục những hạn chế tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP nêu trên, dự thảo Nghị định quy định nguyên tắc đến năm 2021 giá cung cấp dịch vụ công cần được tính đầy đủ chi phí cung cấp dịch vụ công. Đồng thời bổ sung quy định cụ thể trong trường hợp chưa ban hành được định mức kinh tế kỹ thuật thì các chi phí trực tiếp và chi phí quản lý để cung cấp dịch vụ sự nghiệp công được xác định theo số thực hiện bình quân của 03 năm trước liền kề.

Tuy vậy trên thực tế sẽ vẫn còn một số loại dịch vụ công mang tính thiết yếu, ảnh hưởng đến an sinh xã hội trong lĩnh vực giáo dục, y tế sẽ chưa tính được đầy đủ chi phí cung cấp dịch vụ trong giá, vẫn cần tiếp tục duy trì cơ chế nhà nước hỗ trợ một phần chi phí cung cấp dịch vụ.

Ví dụ như đối với giáo dục phổ thông, theo báo cáo của Bộ Giáo dục và Đào tạo trên cơ sở tổng hợp của các địa phương, đối với năm học 2017-2018, mức thu học phí trung bình cấp học mầm non khoảng 80.000 đồng/1 tháng/1 học sinh (0,8 triệu đồng/năm/học sinh), cấp trung học cơ sở khoảng 55.000 đồng/1 tháng/1 học sinh (0,55 triệu đồng/năm/học sinh), cấp trung học phổ thông 70.000 đồng/1 tháng/1 học sinh (0,7 triệu đồng/năm/học sinh).

So sánh với chi phí đào tạo (số chi từ NSNN cho giáo dục phổ thông) thì mức học phí hiện nay còn rất thấp, không đáng kể so với chi phí đào tạo.

<i>T</i> <i>T</i>	<i>Cấp học</i>	<i>Số học sinh</i>	<i>Tổng chi NSNN (tr.đ)</i>	<i>Chi NSNN/I HS (tr.đ/HS/năm)</i>	<i>Học phí (tr.đ/HS/năm)</i>
1	Mầm non	5.306.536	39.667.000	7,48	0,80
2	Tiểu học	7.882.145	65.734.000	8,34	0,00
3	Trung học cơ sở	5.312.715	50.377.000	9,48	0,55
4	Trung học phổ thông	2.313.315	23.445.000	10,13	0,70

Nếu thực hiện tính đủ chi phí vào giá dịch vụ thì dự kiến mức học phí giáo dục phổ thông sẽ phải tăng từ 9-10 lần so với hiện nay, như vậy sẽ không khả thi với mức đóng góp của xã hội. Vì vậy, dự thảo Nghị định bổ sung quy định: ***“Lộ trình tính giá đối với giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh và giá dịch vụ giáo dục, đào tạo tại cơ sở giáo dục, đào tạo của Nhà nước thực hiện theo quy định của pháp luật về giá và pháp luật chuyên ngành.”***

3. Quy định về giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu sử dụng NSNN cung cấp dịch vụ sự nghiệp công (Điều 8 dự thảo Nghị định):

3.1. Quy định hiện hành:

- Nghị định số 16/2015/NĐ-CP quy định: Căn cứ danh mục dịch vụ sự nghiệp công được quy định, các Bộ, cơ quan Trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp cho cơ quan cấp dưới lựa chọn đơn vị sự nghiệp công để cung ứng dịch vụ sự nghiệp công theo hình thức giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu theo quy định.

3.2. Dự thảo Nghị định:

Để đảm bảo đồng bộ với nội dung quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP dự thảo Nghị định quy định như sau:

Căn cứ danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước quy định tại Điều 6 Nghị định này, các Bộ, cơ quan Trung ương; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc cơ quan quản lý trực thuộc được ủy quyền quyết định giao nhiệm vụ, đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước cho đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc; đặt hàng (hoặc giao nhiệm vụ trong trường hợp pháp luật chuyên ngành quy định) đối với nhà cung cấp dịch vụ sự nghiệp công khác; hoặc tổ chức đấu thầu theo quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP của Chính phủ.

4. Quy định về nguồn tài chính và sử dụng nguồn tài chính của đơn vị SNCL (Mục 3 dự thảo Nghị định, từ Điều 9 đến Điều 12)

4.1. Sửa đổi quy định về nguồn tài chính và sử dụng nguồn tài chính:

a. Về nguồn tài chính:

- Nghị định số 16/2015/NĐ-CP quy định nguồn tài chính của đơn vị SNCL theo hướng tổng hợp chung tất cả các nguồn lực, chưa có sự tách bạch rõ nguồn thu từ hoạt động thực hiện nhiệm vụ chính trị do Nhà nước giao (hoạt động cung cấp các dịch vụ sự nghiệp công thuộc danh mục dịch vụ sử dụng NSNN) và các hoạt

động kinh doanh dịch vụ. Tương tự như vậy, các nội dung sử dụng nguồn tài chính của đơn vị SNCL quy định tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP cũng không phân định rõ nhiệm vụ chi từ NSNN và nhiệm vụ chi hoạt động sản xuất dịch vụ.

Quy định trên dẫn đến tình trạng đối với các đơn vị SNCL tự bảo đảm một phần chi thường xuyên, Nhà nước đang phải hỗ trợ đồng loạt đối với tất cả các sản phẩm, dịch vụ công thuộc danh mục dịch vụ công sử dụng NSNN do nhà nước có trách nhiệm cung cấp và sản phẩm, dịch vụ do đơn vị SNCL tự quyết định cung cấp, công không thuộc danh mục dịch vụ công sử dụng NSNN.

- Dự thảo Nghị định sửa đổi quy định về nguồn tài chính của đơn vị SNCL:

Để khắc phục hạn chế nêu trên, căn cứ quy định tại Nghị quyết số 19-NQ/TW : *“Phân định rõ hoạt động thực hiện nhiệm vụ chính trị do Nhà nước giao với hoạt động kinh doanh dịch vụ của các đơn vị SNCL”*; dự thảo Nghị định (Khoản 1 Điều 9, Khoản 1 Điều 10 và Khoản 1 Điều 11) cơ bản kế thừa các quy định vẫn còn phù hợp tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP và bổ sung quy định cụ thể nguồn tài chính của đơn vị SNCL theo hướng tách rõ nguồn thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ sự nghiệp công thuộc danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN và nguồn thu từ hoạt động ***dịch vụ sự nghiệp công không thuộc danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước; nguồn thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh, liên doanh, liên kết và dịch vụ khác.***

b. Về sử dụng nguồn tài chính của đơn vị SNCL:

Như đã phân tích ở trên, để đảm bảo sự tách bạch rõ ràng giữa nhiệm vụ chi từ NSNN và hoạt động dịch vụ của đơn vị SNCL, nhất là đối với các đơn vị SNCL tự đảm bảo một phần chi phí hoạt động; dự thảo Nghị định (Điều b Khoản 2 Điều 11) bổ sung quy định đối với nội dung chi từ nguồn thu hoạt động dịch vụ theo hướng: ***“Đơn vị được quyền tự chủ quyết định các khoản chi thường xuyên theo quy chế chi tiêu nội bộ và phải hạch toán riêng các khoản chi phí trực tiếp cho việc cung cấp dịch vụ theo quy định. Ngân sách nhà nước không cấp bù kinh phí trong trường hợp đơn vị không có nguồn chênh lệch thu lớn chi từ hoạt động dịch vụ của đơn vị.”***

Quy định như trên đảm bảo thực hiện theo đúng tinh thần nêu tại Nghị quyết số 19-NQ/TW về việc phân định rõ hoạt động thực hiện nhiệm vụ chính trị do Nhà nước giao và hoạt động kinh doanh dịch vụ của đơn vị SNCL; đồng thời khuyến khích giao quyền tự chủ tối đa cho các đơn vị SNCL trong việc tự quyết định các khoản thu chi hoạt động dịch vụ theo cơ chế thị trường; Nhà nước không bao cấp cho các hoạt động dịch vụ của đơn vị.

4.2 Sửa đổi về cơ chế tính toán, chi trả tiền lương:

- Nghị định số 16/2015/NĐ-CP quy định đơn vị SNCL chi trả tiền lương theo lương ngạch, bậc, chức vụ và các khoản phụ cấp do Nhà nước quy định đối với đơn vị sự nghiệp công (không phân biệt đơn vị tự bảo đảm kinh phí hoạt động và đơn vị do NSNN hỗ trợ một phần hay hỗ trợ toàn bộ chi phí hoạt động). Việc chi trả thu nhập tăng thêm của người lao động sẽ căn cứ vào kết quả hoạt động tài chính trong năm. Quy định như trên dẫn đến có nhiều đơn vị SNCL tự

bảo đảm kinh phí hoạt động, có nguồn thu cung cấp dịch vụ theo giá thị trường, có khả năng chi trả tiền lương cao hơn quy định của nhà nước cho người lao động, nhưng phải đợi sau khi tính toán cân đối chênh lệch thu, chi, nộp các khoản thuế cho Nhà nước theo quy định, mới được sử dụng từ quỹ bổ sung thu nhập tăng thêm cho người lao động. Điều này chưa phù hợp với quy định tại Nghị định số 115/2005/NĐ-CP của Chính phủ về cơ chế tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập, tổ chức khoa học và công nghệ công lập được phép chi trả tiền lương, tiền công thực tế có thể cao hơn mức Nhà nước quy định tùy thuộc vào kết quả hoạt động tài chính của đơn vị và năng lực, trình độ của người lao động; và chưa bình đẳng với các doanh nghiệp khi tham gia cung cấp dịch vụ công là được tính lương trả cho người lao động theo khả năng thực tế, cao hơn mức Nhà nước quy định.

- Để khắc phục hạn chế hiện nay, đồng thời trên cơ sở tham chiếu với các quy định cơ chế tài chính đặc thù của các trường đại học đẳng cấp quốc tế (Trường Đại học Việt Đức, Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội), Viện khoa học công nghệ Việt Nam - Hàn Quốc đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt (cho phép đơn vị được tính thêm 01 lần tiền lương vào chi phí trước khi hạch toán thu chi); căn cứ giải pháp nêu tại Nghị quyết số 19-NQ/TW về việc phân định cơ chế chi trả tiền lương giữa đơn vị tự bảo đảm kinh phí hoạt động và đơn vị SNCL chưa tự bảo đảm kinh phí hoạt động; dự thảo Nghị định (Điểm a Khoản 2 Điều 9 và Điểm a Khoản 2 Điều 10) bổ sung quy định như sau:

“Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư thực hiện chi tiền lương cho công chức, viên chức, người lao động theo ngạch, bậc, hạng chức danh nghề nghiệp, chức vụ, vị trí việc làm; các khoản phụ cấp, các khoản đóng góp theo lương do Nhà nước quy định; chi tiền công theo hợp đồng vụ việc (nếu có). Căn cứ vào tình hình thực tế kết quả hoạt động tài chính của đơn vị, Thủ trưởng đơn vị có thể quyết định chi trả tiền lương tối đa thêm một lần trên cơ sở tiền lương cấp bậc, chức vụ và các khoản phụ cấp theo quy định hiện hành của Nhà nước và phải chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

Riêng đối với đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên phải có cam kết về tổng mức kinh phí trích lập quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của năm thực hiện không thấp hơn mức kinh phí trích lập Quỹ của năm trước liền kề. Khi Nhà nước điều chỉnh tiền lương cơ sở, đơn vị tự bảo đảm tiền lương tăng thêm từ nguồn thu của đơn vị, ngân sách nhà nước không cấp bổ sung.

Quy định như trên nhằm đảm bảo tính thống nhất chung về cơ chế chi trả tiền lương của đơn vị SNCL; đồng thời tránh tình trạng các đơn vị hạch toán hết vào chi phí tiền lương, không có tích lũy cho Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp để tái đầu tư cho hoạt động của đơn vị. Trong trường hợp các đơn vị SNCL đã tự chủ về tài chính muốn thực hiện cơ chế chi trả tiền lương theo doanh nghiệp, đơn vị áp dụng cơ chế tài chính như doanh nghiệp (được hướng dẫn bổ sung quy định tại Nghị định này).

5. Về xác định phân loại tự chủ tài chính của đơn vị SNCL (Điều 13 dự thảo Nghị định):

5.1. Quy định hiện hành:

- Trên thực tế, các đơn vị SNCL cung cấp rất nhiều loại sản phẩm dịch vụ công khác nhau, có loại dịch vụ công cung cấp theo yêu cầu của nhà nước; có rất nhiều loại sản phẩm dịch vụ công đơn vị tự cung cấp theo nhu cầu xã hội, nhà nước không giao nhiệm vụ cho đơn vị cung cấp. Nghị định số 16/2015/NĐ-CP đưa ra quy định về phân loại 04 loại hình mức độ tự chủ của đơn vị SNCL căn cứ vào tổng hòa các nguồn thu của đơn vị SNCL/tổng các khoản chi thường xuyên của đơn vị; không phân biệt cách xác định phân loại đơn vị SNCL trên cơ sở nguồn thu và nhiệm vụ chi thực hiện nhiệm vụ nhà nước giao của đơn vị và dịch vụ do đơn vị tự cung cấp theo nhu cầu xã hội. Điều này dẫn đến hạn chế là bên cạnh các đơn vị SNCL cung cấp dịch vụ công theo nhu cầu xã hội có chênh lệch thu lớn hơn chi, dùng số chênh lệch này để bổ sung vào nguồn tài chính chung của đơn vị; thì vẫn có tình trạng một số đơn vị SNCL có chênh lệch thu nhỏ hơn chi, dẫn đến NSNN phải bao cấp, hoặc bù lỗ ngược cho các hoạt động dịch vụ đơn vị SNCL tự cung ứng theo nhu cầu xã hội.

Vì vậy, để phân định rõ hoạt động thực hiện nhiệm vụ chính trị do Nhà nước giao và hoạt động kinh doanh dịch vụ của đơn vị SNCL theo nguyên tắc NSNN chỉ hỗ trợ đối với các nhiệm vụ nhà nước giao; đối với các dịch vụ do đơn vị tự cung cấp theo nhu cầu xã hội phải thực hiện theo nguyên tắc thị trường, lấy thu, bù chi và có tích lũy, NSNN không hỗ trợ cho các dịch vụ này; cần thiết phải có quy định hướng dẫn cụ thể về cách xác định phân loại đơn vị sự nghiệp công lập.

5.2. Dự thảo Nghị định:

Xuất phát từ các bất cập nêu trên, dự thảo Nghị định quy định cách xác định mức độ tự chủ chi thường xuyên của đơn vị SNCL theo hướng tách bạch rõ nguồn thu và nhiệm vụ chi của đơn vị như sau:

“Mức độ tự bảo đảm chi thường xuyên của đơn vị sự nghiệp công được xác định theo công thức sau:

$$\text{Mức tự bảo đảm kinh phí chi thường xuyên (\%)} = \frac{\text{Tổng các nguồn thu sự nghiệp}}{\text{Tổng số chi thường xuyên}} \times 100\%$$

Trong đó:

1. Tổng các nguồn thu sự nghiệp, gồm:

a) Các khoản thu từ hoạt động dịch vụ sự nghiệp công thuộc danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước (bao gồm cả nguồn ngân sách nhà nước đặt hàng); nguồn thu phí được để lại theo pháp luật về phí, nguồn thu khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

b) Nguồn chênh lệch thu lớn hơn chi (sau khi đã thực hiện các nghĩa vụ với nhà nước hoặc nộp cấp trên theo quy định) từ các hoạt động cung cấp dịch vụ sự nghiệp công không sử dụng ngân sách nhà nước, hợp tác, liên

doanh, liên kết, hoạt động sản xuất, kinh doanh theo quy định tại Nghị định này.

2. Tổng số chi thường xuyên gồm các nội dung chi theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 9, Điểm a Khoản 2 Điều 10, Điểm a Khoản 2 Điều 11 và Điểm a Khoản 2 Điều 12 Nghị định này để đơn vị thực hiện nhiệm vụ, cung ứng dịch vụ sự nghiệp công thuộc danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền giao.

3. Tổng các nguồn thu sự nghiệp và tổng số chi thường xuyên được tính theo dự toán thu, chi của năm đầu thời kỳ ổn định.

Riêng nguồn chênh lệch thu lớn hơn chi quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều này được xác định tối thiểu bằng mức trung bình của 03 năm trước liền kề hoặc mức cao hơn theo dự toán năm đầu thời kỳ ổn định do đơn vị xác định.”

6. Về tự chủ trong hoạt động liên doanh, liên kết (Điều 16)

6.1. Quy định hiện hành:

Nghị định số 16/2015/NĐ-CP chưa quy định cụ thể các hình thức liên doanh liên kết và việc phân phối kết quả chênh lệch thu chi từ hoạt động liên doanh liên kết của đơn vị SNCL.

6.2. Dự thảo Nghị định:

Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công đã có quy định cụ thể về trình tự, thủ tục và các hình thức sử dụng tài sản công để liên doanh liên kết của đơn vị SNCL. Theo đó, để đảm bảo tính đồng bộ và thống nhất chung về việc phân phối kết quả từ hoạt động liên doanh liên kết của đơn vị SNCL, dự thảo Nghị định bổ sung 1 Điều quy định về hoạt động liên doanh, liên kết của đơn vị SNCL theo hướng như sau:

“ Số tiền thu được từ kết quả của hoạt động liên doanh, liên kết, sau khi chi trả các chi phí hợp lý có liên quan, trả nợ vốn vay (nếu có), thực hiện nghĩa vụ nộp thuế và các khoản nộp ngân sách nhà nước khác (nếu có) theo quy định của pháp luật; phần được chia còn lại của đơn vị sự nghiệp công được quản lý và sử dụng theo quy định như sau:

a) Đối với hình thức liên doanh, liên kết không thành lập pháp nhân mới: Đơn vị sự nghiệp công thực hiện bổ sung toàn bộ phần chênh lệch, thu, chi vào nguồn tài chính của đơn vị có hoạt động liên doanh, liên kết theo đề án được duyệt.”

b) Đối với hình thức liên doanh, liên kết thành lập pháp nhân mới

- Bổ sung 50 % phần được chia còn lại vào nguồn thu sự nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập cấp trên quản lý trực tiếp theo đề án liên doanh, liên kết được phê duyệt.

- Đối với 50% phần phần được chia còn lại, đơn vị được chủ động trích lập và sử dụng các quỹ theo quy định của pháp luật hiện hành.

7. Quy định về áp dụng cơ chế tài chính như doanh nghiệp (Mục 5, gồm các điều từ Điều 20 đến Điều 22 dự thảo Nghị định):

7.1. Quy định hiện hành:

Điều 21 Nghị định số 16/2015/NĐ-CP mới quy định nguyên tắc chung về Điều kiện, nội dung và yêu cầu để đơn vị SNCL vận dụng cơ chế tài chính như doanh nghiệp. Tuy vậy, Nghị định số 16/2015/NĐ-CP chưa hướng dẫn cụ thể các nội dung để được áp dụng cơ chế tài chính như doanh nghiệp. Vì vậy, các đơn vị SNCL rất lúng túng trong quá trình xây dựng Đề án để báo cáo cơ quan cấp trên xem xét, phê duyệt.

7.2. Dự thảo Nghị định:

Thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW với định hướng cho phép đơn vị đã tự chủ về tài chính được trả lương theo kết quả hoạt động; dự thảo Nghị định đã bổ sung quy định cụ thể các nội dung áp dụng cơ chế tài chính như doanh nghiệp theo hướng như sau:

- Đơn vị SNCL tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư được áp dụng cơ chế tài chính như doanh nghiệp theo nội dung: Đơn vị được xác định vốn điều lệ; quản lý doanh thu, chi phí; thực hiện chế độ kế toán, thống kê áp dụng như doanh nghiệp, trong đó, tiền lương theo doanh thu hoặc lương khoán được tính vào chi phí khi xác định thu nhập chịu thuế theo quy định của pháp luật thuế thu nhập doanh nghiệp; quản lý, sử dụng, trích khấu hao tài sản cố định theo quy định áp dụng cho doanh nghiệp; được vay vốn, huy động vốn, đầu tư vốn ra ngoài đơn vị theo quy định của pháp luật đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

- Đơn vị SNCL tự bảo đảm chi thường xuyên được thực hiện cơ chế chi trả tiền lương theo doanh thu hoặc lương khoán được tính vào chi phí khi xác định thu nhập chịu thuế theo quy định của pháp luật thuế thu nhập doanh nghiệp và phải có cam kết về tổng mức kinh phí trích lập Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của năm thực hiện (chưa bao gồm mức trích khấu hao tài sản cố định) không thấp hơn mức kinh phí trích lập Quỹ của năm trước liền kề.

- Đơn vị SNCL xây dựng Đề án áp dụng cơ chế tài chính như doanh nghiệp, báo cáo các Bộ, cơ quan Trung ương, địa phương để phê duyệt theo phân cấp.

8. Về điều khoản chuyển tiếp:

8.1. Nghị quyết số 19-NQ/TW đặt ra mục tiêu: Giai đoạn đến năm 2025 tiếp tục giảm bình quân 10% chi trực tiếp từ NSNN cho đơn vị SNCL so với giai đoạn 2016-2020. Theo đó, để đảm bảo cơ sở pháp lý, Bộ Tài chính trình Chính phủ quy định rõ trong dự thảo Nghị định theo hướng:

“Trong giai đoạn 2021-2025, ngân sách nhà nước thực hiện lộ trình giảm dần kinh phí hỗ trợ chi thường xuyên trực tiếp đối với các đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do nhà nước bảo đảm chi phí (tương ứng với phần tăng thu do điều chỉnh giá dịch vụ và số lượng dịch vụ cung cấp).”

V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO VIỆC THI HÀNH NGHỊ ĐỊNH

1. Kinh phí cho thực hiện chính sách đề nghị xây dựng Nghị định: Về cơ bản, các chính sách được lựa chọn không phát sinh kinh phí riêng cho triển khai thực hiện vì không phát sinh các điều kiện thực hiện mới.

2. Nguồn nhân lực và tài chính bảo đảm tổ chức thi hành Nghị định sau khi được ban hành

a) Về điều kiện bảo đảm về nguồn nhân lực

Việc tổ chức phân loại mức độ tự chủ tài chính của đơn vị SNCL thuộc phạm vi quản lý (trung ương, địa phương) căn cứ các quy định tại dự thảo Nghị định về nguồn tài chính, sử dụng nguồn tài chính, chênh lệch thu chi và trích lập các Quỹ, hoạt động liên doanh liên kết, hoạt động đầu tư sẽ do các Bộ, địa phương sử dụng bộ máy tổ chức và nguồn nhân lực hiện có để thực hiện, không làm tăng biên chế theo quy định.

b) Về điều kiện bảo đảm về nguồn tài chính

- Về nguyên tắc, từ năm 2021, khi giá dịch vụ sự nghiệp công đã tính đủ các chi phí theo đúng định hướng nêu tại Nghị quyết số 19-NQ/TW, theo đó, từng bước tính chi phí tiền lương và chi phí trực tiếp vào trong giá dịch vụ, góp phần bù đắp chi phí của các đơn vị. Khi đó các đơn vị SNCL sẽ tự bảo đảm được chi phí hoạt động từ các nguồn tài chính của đơn vị (trong đó bao gồm cả nguồn NSNN đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN).

- Việc đề xuất thay đổi trên sẽ làm cho việc giao dự toán NSNN cho đơn vị SNCL để cung cấp dịch vụ công rõ ràng minh bạch hơn. Theo đó, những nhiệm vụ nhà nước giao sẽ được tính toán giao kinh phí theo định mức, đơn giá, số lượng. Phần dự toán NSNN cho đơn vị SNCL để cung cấp dịch vụ công căn cứ vào định mức, đơn giá, số lượng, chất lượng được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP về giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu cung cấp dịch vụ công.

Đối với những dịch vụ công nhà nước không giao, đơn vị được tự quyết định cung cấp theo cơ chế thị trường, lấy thu, bù chi, nộp thuế theo quy định, lời ăn, lỗ chịu. Phần chênh lệch cung cấp dịch vụ công theo cơ chế thị trường, đơn vị được bổ sung nguồn kinh phí hoạt động cho cung cấp sản phẩm, dịch vụ công được nhà nước yêu cầu.

Theo đó, NSNN sẽ không phải bao cấp, hỗ trợ kinh phí hoạt động thường xuyên đối với đơn vị SNCL tự bảo đảm một phần chi thường xuyên; góp phần giảm chi thường xuyên của NSNN, tăng ngân sách cho đầu tư và thực hiện các nhiệm vụ cấp bách.

- Tuy vậy, khi điều chỉnh giá dịch vụ sự nghiệp công, sẽ phát sinh thêm nhu cầu kinh phí từ NSNN để hỗ trợ trực tiếp cho đối tượng chính sách để mua sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu theo chính sách của nhà nước áp dụng cho từng đối tượng để mua dịch vụ công do các đơn vị sự nghiệp công cung cấp theo giá tính đủ chi phí.

VI. Ý KIẾN CÁC BỘ NGÀNH VÀ Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CỦA BỘ TƯ PHÁP

1. Ý kiến các Bộ, ngành, địa phương

2. Ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp

Trên đây là Tờ trình đề nghị xây dựng Nghị định quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị SNCL. Bộ Tài chính xin kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế, NSNN;
- Lưu VT, HCSN (16b).

BỘ TRƯỞNG

Đinh Tiến Dũng

Số: /2020/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

DƯ THẢO

NGHỊ ĐỊNH

Quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,

Chính phủ ban hành Nghị định quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập trong các lĩnh vực: Giáo dục đào tạo; dạy nghề; y tế; văn hóa, thể thao và du lịch; thông tin truyền thông và báo chí; khoa học và công nghệ; sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Đơn vị sự nghiệp công lập do cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước thành lập theo quy định của pháp luật, có tư cách pháp nhân, cung cấp dịch vụ công, phục vụ quản lý nhà nước (sau đây gọi là đơn vị sự nghiệp công).

2. Đơn vị sự nghiệp công trực thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội áp dụng các quy định tại Nghị định này và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “Cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công” là các quy định về quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong việc thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, nhân sự và tài chính của đơn vị sự nghiệp công.

2. “Dịch vụ sự nghiệp công” là dịch vụ sự nghiệp trong các lĩnh vực giáo dục đào tạo; dạy nghề; y tế; văn hóa, thể thao và du lịch; thông tin truyền thông và báo chí; khoa học và công nghệ; sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác.

3. “Dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước” là dịch vụ sự nghiệp công mà Nhà nước bảo đảm toàn bộ chi phí hoặc dịch vụ sự nghiệp công chưa tính đủ chi phí trong giá, phí, được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

4. “Dịch vụ sự nghiệp công không sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước” là dịch vụ sự nghiệp công có điều kiện xã hội hóa cao, Nhà nước không bao cấp, giá dịch vụ sự nghiệp công theo cơ chế thị trường.

Điều 4. Quản lý nhà nước đối với dịch vụ sự nghiệp công và đơn vị sự nghiệp công

1. Xây dựng pháp luật về quản lý nhà nước đối với dịch vụ sự nghiệp công và đơn vị sự nghiệp công; khuyến khích, tạo điều kiện, thiết lập môi trường hoạt động bình đẳng, cạnh tranh cho các tổ chức, cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế tham gia cung cấp dịch vụ sự nghiệp công.

2. Quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công theo ngành, lĩnh vực; danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước; ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật áp dụng trong các lĩnh vực dịch vụ sự nghiệp công do Nhà nước quản lý; quy định về đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ cung ứng dịch vụ sự nghiệp công.

3. Quy định tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ sự nghiệp công; cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng dịch vụ sự nghiệp công, hiệu quả hoạt động của đơn vị sự nghiệp công.

4. Quy định lộ trình tính đủ giá, phí để đơn vị sự nghiệp công thực hiện và hỗ trợ trực tiếp cho các đối tượng chính sách sử dụng dịch vụ sự nghiệp công.

5. Quy định trình tự, thủ tục thành lập, tổ chức lại, giải thể và điều kiện tổ chức, hoạt động của đơn vị sự nghiệp công; sắp xếp, chuyển đổi các đơn vị sự nghiệp công theo quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; giao quyền tự chủ đối với các đơn vị sự nghiệp công trực thuộc.

6. Quy định về chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công sang đơn vị sự nghiệp ngoài công lập hoặc doanh nghiệp.

7. Ban hành cơ chế, chính sách khuyến khích xã hội hóa các hoạt động dịch vụ sự nghiệp công.

8. Thanh tra, kiểm tra, xử phạt vi phạm trong hoạt động cung ứng dịch vụ sự nghiệp công.

Chương II

CƠ CHẾ TỰ CHỦ TÀI CHÍNH CỦA ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG

Mục 1

GIÁ, PHÍ DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG

Điều 5. Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước

1. Tiêu chí xác định dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước:

a) Các dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu do ngân sách nhà nước đảm bảo chi phí được quy định tại các Luật chuyên ngành.

b) Các dịch vụ phục vụ nhiệm vụ chính trị, quản lý nhà nước, dịch vụ không có khả năng xã hội hóa. Việc xác định, phân loại danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước phải phù hợp với khả năng của ngân sách nhà nước và lộ trình điều chỉnh giá dịch vụ theo quy định của cấp có thẩm quyền.

2. Khung danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước

Căn cứ tiêu chí xác định danh mục danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước quy định tại Khoản 1 Điều này và khung danh mục dịch vụ sự nghiệp công quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên; Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan Trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xác định danh mục chi tiết dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý hoặc dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước của ngành, lĩnh vực quản lý theo thẩm quyền quy định tại Khoản 3 Điều này.

3. Thẩm quyền quy định danh mục chi tiết dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước

a) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan Trung ương xác định danh mục chi tiết dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước của ngành, lĩnh vực quản lý và danh mục dịch vụ sự nghiệp công của Bộ, cơ quan Trung ương để trình Thủ tướng Chính phủ quy định, sau khi có ý kiến của Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước theo phân cấp thuộc phạm vi quản lý của địa phương, phù hợp với danh mục dịch vụ sự nghiệp công của ngành, lĩnh vực và phù hợp với khả năng ngân sách của địa phương.

c) Trường hợp chưa có danh mục chi tiết dịch vụ sự nghiệp công của ngành, lĩnh vực; các Bộ, cơ quan Trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chủ động ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công của Bộ, cơ quan Trung ương, địa phương để thực hiện. Khi danh mục chi tiết dịch vụ sự nghiệp công của ngành, lĩnh vực được ban hành thì thực hiện rà soát, điều chỉnh cho phù hợp với danh mục dịch vụ sự nghiệp công của ngành, lĩnh vực; và trình cấp có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền.

Điều 6. Giá, phí dịch vụ sự nghiệp công

1. Giá dịch vụ sự nghiệp công

a) Dịch vụ sự nghiệp công không sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước

- Đơn vị sự nghiệp công được xác định giá dịch vụ sự nghiệp công theo cơ chế thị trường, được quyết định các khoản thu, mức thu bảo đảm bù đắp chi phí hợp lý, có tích lũy theo quy định của pháp luật đối với từng lĩnh vực;

- Riêng dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh và dịch vụ giáo dục, đào tạo tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, cơ sở giáo dục, đào tạo của Nhà nước thực hiện theo quy định pháp luật về giá.

b) Dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước

- *Giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước được xác định trên cơ sở tính đầy đủ các chi phí cấu thành dịch vụ theo quy định của pháp luật về giá và lộ trình tính đủ chi phí vào giá theo quy định tại Nghị định này. Các chi phí bao gồm:*

(i) *Chi phí tiền lương tính theo mức lương cơ sở, hệ số tiền lương ngạch, bậc, chức vụ đối với đơn vị sự nghiệp công lập và định mức lao động do các Bộ, cơ quan Trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành theo thẩm quyền.*

(ii) *Chi phí trực tiếp và chi phí quản lý được xác định trên cơ sở định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí do cơ quan có thẩm quyền ban hành.*

Trường hợp cơ quan có thẩm quyền chưa ban hành định mức kinh tế kỹ thuật, chi phí trực tiếp và chi phí quản lý được xác định trên cơ sở mức bình quân thực hiện của 03 năm trước liền kề.

(iii) *Chi phí khấu hao tài sản cố định tính theo quy định của cấp có thẩm quyền về quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại đơn vị sự nghiệp công lập.*

- Phương pháp định giá và cơ quan có thẩm quyền định giá dịch vụ sự nghiệp công thực hiện theo quy định pháp luật về giá;

- Trong phạm vi khung giá dịch vụ sự nghiệp công do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định, đơn vị sự nghiệp công quyết định mức giá cụ thể cho từng loại dịch vụ; trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định cụ thể giá dịch vụ sự nghiệp công, đơn vị thu theo mức giá quy định.

2. Phí dịch vụ sự nghiệp công

Dịch vụ sự nghiệp công thuộc danh mục thu phí thực hiện theo quy định pháp luật về phí, lệ phí. Đơn vị sự nghiệp công được thu phí theo mức thu do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.

Điều 7. Lộ trình tính giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước

1. Lộ trình tính giá dịch vụ sự nghiệp công

a) *Đến năm 2021, thực hiện tính đủ chi phí tiền lương, chi phí trực tiếp, chi phí quản lý và khấu hao tài sản cố định. Căn cứ vào tình hình thực tế, các đơn vị sự nghiệp công được thực hiện trước lộ trình tính giá dịch vụ sự nghiệp công. Đối với dịch vụ sự nghiệp công đang được Nhà nước đặt hàng theo giá tính đủ chi phí thì tiếp tục thực hiện theo giá tính đủ chi phí.*

b) Lộ trình tính giá đối với giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh và giá dịch vụ giáo dục, đào tạo tại cơ sở giáo dục, đào tạo của Nhà nước thực hiện theo quy định của pháp luật về giá và pháp luật chuyên ngành.

2. Căn cứ vào tình hình thực tế, các đơn vị sự nghiệp công được thực hiện trước lộ trình giá dịch vụ sự nghiệp công quy định tại Khoản 1 Điều này.

3. Các Bộ, cơ quan Trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ quy định về giá dịch vụ sự nghiệp công tại Khoản 1 Điều 9 Nghị định này, khả năng cân đối ngân sách nhà nước và khả năng chi trả của người hưởng thụ, quy định lộ trình tính giá dịch vụ sự nghiệp công trình cấp có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền.

Điều 8. Giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước.

Căn cứ danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước quy định tại Điều 6 Nghị định này, các Bộ, cơ quan Trung ương; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc cơ quan quản lý trực thuộc được ủy quyền quyết định giao nhiệm vụ, đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước cho đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc; đặt hàng (hoặc giao nhiệm vụ trong trường hợp pháp luật chuyên ngành quy định) đối với nhà cung cấp dịch vụ sự nghiệp công khác; hoặc tổ chức đấu thầu theo quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên (sau đây gọi là Nghị định số 32/2019/NĐ-CP).

Mục 2 TỰ CHỦ VỀ TÀI CHÍNH

Điều 9. Tự chủ tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư

1. Nguồn tài chính của đơn vị

a) Nguồn thu từ hoạt động dịch vụ sự nghiệp công *thuộc danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước*, bao gồm cả nguồn ngân sách nhà nước đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công *theo giá quy định của cấp có thẩm quyền*;

b) *Nguồn thu từ hoạt động dịch vụ sự nghiệp công không thuộc danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước; nguồn thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh, liên doanh, liên kết và dịch vụ khác.*

c) Nguồn thu phí theo pháp luật về phí, lệ phí được để lại chi theo quy định (phần được để lại chi thường xuyên và chi mua sắm, sửa chữa lớn trang thiết bị, tài sản phục vụ công tác thu phí);

d) Nguồn thu khác theo quy định của pháp luật (nếu có);

đ) Nguồn ngân sách nhà nước cấp cho các nhiệm vụ không thường xuyên (nếu có), gồm: Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (đối với đơn vị không phải là tổ chức khoa học công nghệ); kinh phí các chương trình mục tiêu quốc gia; chương trình, dự án, đề án khác; kinh phí đối ứng thực hiện các dự án theo quyết định của cấp có thẩm quyền; vốn đầu tư phát triển; kinh phí mua sắm trang thiết bị phục vụ hoạt động sự nghiệp theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt; kinh phí thực hiện nhiệm vụ đột xuất được cơ quan có thẩm quyền giao;

e) Nguồn vốn vay, viện trợ, tài trợ theo quy định của pháp luật.

2. Sử dụng nguồn tài chính

a) Chi đầu tư từ Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, nguồn vốn vay và các nguồn tài chính hợp pháp khác.

- Căn cứ nhu cầu đầu tư và khả năng cân đối các nguồn tài chính, đơn vị chủ động xây dựng danh mục các dự án đầu tư, báo cáo cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Trên cơ sở danh mục dự án đầu tư đã được phê duyệt, đơn vị quyết định dự án đầu tư, bao gồm các nội dung về quy mô, phương án xây dựng, tổng mức vốn, nguồn vốn, phân kỳ thời gian triển khai theo quy định của pháp luật về đầu tư.

- Đơn vị sự nghiệp công được vay vốn tín dụng ưu đãi của Nhà nước hoặc được hỗ trợ lãi suất cho các dự án đầu tư sử dụng vốn vay của các tổ chức tín dụng theo quy định.

- Căn cứ yêu cầu phát triển của đơn vị, Nhà nước xem xét bố trí vốn cho các dự án đầu tư đang triển khai, các dự án đầu tư khác theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

b) Chi thường xuyên: Đơn vị được chủ động sử dụng các nguồn tài chính giao tự chủ quy định tại Điểm a, Điểm b, Điểm c (phần được để lại chi thường xuyên) và Điểm d Khoản 1 Điều này để chi thường xuyên. Một số nội dung chi được quy định như sau:

- Chi tiền lương: *Đơn vị sự nghiệp công thực hiện chi tiền lương cho công chức, viên chức, người lao động theo ngạch, bậc, hạng chức danh nghề nghiệp, chức vụ, vị trí việc làm; các khoản phụ cấp, các khoản đóng góp theo lương do Nhà nước quy định; chi tiền công theo hợp đồng vụ việc (nếu có). Căn cứ vào tình hình thực tế kết quả hoạt động tài chính của đơn vị, Thủ trưởng đơn vị có thể quyết định chi trả tiền lương thêm một lần trên cơ sở tiền lương cấp bậc, chức vụ và các khoản phụ cấp theo quy định hiện hành của Nhà nước và phải chịu trách nhiệm về quyết định của mình.*

Khi Nhà nước điều chỉnh tiền lương, đơn vị tự bảo đảm tiền lương tăng thêm từ nguồn thu của đơn vị (ngân sách nhà nước không cấp bổ sung).

- Chi hoạt động chuyên môn, chi quản lý

Đối với các nội dung chi đã có định mức chi theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền: Căn cứ vào khả năng tài chính, đơn vị được quyết định

mức chi cao hơn hoặc thấp hơn mức chi do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành và quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị;

Đối với các nội dung chi chưa có định mức chi theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền: Căn cứ tình hình thực tế, đơn vị xây dựng mức chi cho phù hợp theo quy chế chi tiêu nội bộ và phải chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

- Trích khấu hao tài sản cố định theo quy định. Tiền trích khấu hao tài sản hình thành từ nguồn vốn ngân sách nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách được hạch toán vào Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp.

c) Chi nhiệm vụ không thường xuyên: Đơn vị chi theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và pháp luật hiện hành đối với từng nguồn kinh phí quy định tại Điểm c (phần được để lại chi mua sắm, sửa chữa lớn trang thiết bị, tài sản phục vụ công tác thu phí), Điểm đ và Điểm e Khoản 1 Điều này.

d) Đơn vị sự nghiệp công phải thực hiện đúng các quy định của Nhà nước về mức chi, tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô; tiêu chuẩn, định mức về nhà làm việc; tiêu chuẩn, định mức trang bị điện thoại công vụ tại nhà riêng và điện thoại di động; chế độ công tác phí nước ngoài; chế độ tiếp khách nước ngoài và hội thảo quốc tế ở Việt Nam.

3. Phân phối kết quả tài chính trong năm

a) Hàng năm, sau khi hạch toán đầy đủ các khoản chi phí, nộp thuế và các khoản nộp ngân sách nhà nước khác (nếu có) theo quy định, phần chênh lệch thu lớn hơn chi thường xuyên (nếu có), đơn vị được sử dụng theo trình tự như sau:

- Trích tối thiểu 25% để lập Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp;
- Trích lập Quỹ bổ sung thu nhập: Đơn vị được tự quyết định mức trích Quỹ bổ sung thu nhập (không khống chế mức trích);
- Trích lập Quỹ khen thưởng và Quỹ phúc lợi tối đa không quá 3 tháng tiền lương, tiền công thực hiện trong năm của đơn vị;
- Trích lập Quỹ khác theo quy định của pháp luật;
- Phần chênh lệch thu lớn hơn chi còn lại (nếu có) sau khi đã trích lập các quỹ theo quy định được bổ sung vào Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp.

b) Sử dụng các Quỹ

- Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp: Để đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị, phương tiện làm việc; phát triển năng lực hoạt động sự nghiệp; chi áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật công nghệ; đào tạo nâng cao nghiệp vụ chuyên môn cho người lao động trong đơn vị; góp vốn liên doanh, liên kết với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước (đối với đơn vị được giao vốn theo quy định) để tổ chức hoạt động dịch vụ phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao và các khoản chi khác (nếu có).

- Quỹ bổ sung thu nhập: Để chi bổ sung thu nhập cho người lao động trong năm và dự phòng chi bổ sung thu nhập cho người lao động năm sau trong trường hợp nguồn thu nhập bị giảm.

Việc chi bổ sung thu nhập cho người lao động trong đơn vị được thực hiện theo nguyên tắc gắn với số lượng, chất lượng và hiệu quả công tác. Hệ số thu nhập tăng thêm của chức danh lãnh đạo đơn vị sự nghiệp công tối đa không quá 2 lần hệ số thu nhập tăng thêm bình quân thực hiện của người lao động trong đơn vị.

- Quỹ khen thưởng: Để thưởng định kỳ, đột xuất cho tập thể, cá nhân trong và ngoài đơn vị (ngoài chế độ khen thưởng theo quy định của Luật Thi đua khen thưởng) theo hiệu quả công việc và thành tích đóng góp vào hoạt động của đơn vị. Mức thưởng do thủ trưởng đơn vị quyết định theo quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

- Quỹ phúc lợi: Để xây dựng, sửa chữa các công trình phúc lợi; chi cho các hoạt động phúc lợi tập thể của người lao động trong đơn vị; trợ cấp khó khăn đột xuất cho người lao động, kể cả trường hợp nghỉ hưu, nghỉ mất sức; chi thêm cho người lao động thực hiện tinh giản biên chế.

c) Mức trích cụ thể của các quỹ quy định tại Điểm a Khoản này và việc sử dụng các quỹ do thủ trưởng đơn vị quyết định theo quy chế chi tiêu nội bộ và phải công khai trong đơn vị.

Điều 10. Tự chủ tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên

1. Nguồn tài chính của đơn vị

a) Nguồn thu từ hoạt động dịch vụ sự nghiệp công *thuộc danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước*, bao gồm cả nguồn ngân sách nhà nước đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công *theo giá quy định của cấp có thẩm quyền*;

b) *Nguồn thu từ hoạt động dịch vụ sự nghiệp công không thuộc danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước; nguồn thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh, liên doanh, liên kết và dịch vụ khác.*

c) Nguồn thu phí theo pháp luật về phí, lệ phí được để lại chi theo quy định (phần được để lại chi hoạt động thường xuyên và chi mua sắm, sửa chữa lớn trang thiết bị, tài sản phục vụ công tác thu phí);

d) Nguồn thu khác theo quy định của pháp luật (nếu có);

đ) Nguồn ngân sách nhà nước cấp cho các nhiệm vụ không thường xuyên quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều 12 Nghị định này (nếu có);

e) Nguồn vốn vay, viện trợ, tài trợ theo quy định của pháp luật.

2. Sử dụng nguồn tài chính:

a) Chi thường xuyên: Đơn vị được chủ động sử dụng các nguồn tài chính giao tự chủ quy định tại Điểm a, Điểm b, Điểm c (phần được để lại chi hoạt

động thường xuyên) và Điểm d Khoản 1 Điều này để chi thường xuyên theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 12 Nghị định này;

Riêng đối với chi tiền lương, đơn vị phải có cam kết về tổng mức kinh phí trích lập quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của năm thực hiện không thấp hơn mức kinh phí trích lập Quỹ của năm trước liền kề. Khi Nhà nước điều chỉnh tiền lương cơ sở, đơn vị tự bảo đảm tiền lương tăng thêm từ nguồn thu của đơn vị, ngân sách nhà nước không cấp bổ sung.

b) Chi nhiệm vụ không thường xuyên: Đơn vị chi theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và pháp luật hiện hành đối với từng nguồn kinh phí quy định tại Điểm c (phần được để lại chi mua sắm, sửa chữa lớn trang thiết bị, tài sản phục vụ công tác thu phí), Điểm đ và Điểm e Khoản 1 Điều này.

3. Phân phối kết quả tài chính trong năm theo quy định tại Khoản 3 Điều 12. Riêng trích lập Quỹ bổ sung thu nhập tối đa không quá 3 lần quỹ tiền lương ngạch, bậc, chức vụ và các khoản phụ cấp lương do Nhà nước quy định.

Điều 11. Tự chủ tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên

1. Nguồn tài chính của đơn vị

a) Nguồn thu từ hoạt động dịch vụ sự nghiệp công *thuộc danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước*, bao gồm cả nguồn ngân sách nhà nước đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công *theo giá quy định của cấp có thẩm quyền*;

b) *Nguồn thu từ hoạt động dịch vụ sự nghiệp công không thuộc danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước; nguồn thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh, liên doanh, liên kết và dịch vụ khác.*

c) Nguồn thu phí theo pháp luật về phí, lệ phí được để lại chi theo quy định (phần được để lại chi hoạt động thường xuyên và chi mua sắm, sửa chữa lớn trang thiết bị, tài sản phục vụ công tác thu phí);

d) Nguồn ngân sách nhà nước *hỗ trợ một phần chi thường xuyên theo phương án tự chủ tài chính được cấp có thẩm quyền phê duyệt*;

đ) Nguồn thu khác theo quy định của pháp luật (nếu có);

e) Ngân sách nhà nước cấp kinh phí thực hiện các nhiệm vụ không thường xuyên quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều 12 Nghị định này (nếu có);

g) Nguồn viện trợ, tài trợ theo quy định của pháp luật.

2. Sử dụng nguồn tài chính của đơn vị

a) Chi thường xuyên: Đơn vị được chủ động sử dụng các nguồn tài chính giao tự chủ quy định tại các Điểm a, Điểm c (phần được để lại chi hoạt động thường xuyên), Điểm d và Điểm đ Khoản 1 Điều này để chi thường xuyên. Một số nội dung chi được quy định như sau:

- Chi tiền lương: Đơn vị chi trả tiền lương theo lương ngạch, bậc, chức vụ và các khoản phụ cấp do Nhà nước quy định đối với đơn vị sự nghiệp công. Khi

Nhà nước điều chỉnh tiền lương, đơn vị tự bảo đảm tiền lương tăng thêm từ các nguồn theo quy định; trường hợp còn thiếu, ngân sách nhà nước cấp bổ sung;

- Chi hoạt động chuyên môn, chi quản lý: Căn cứ vào nhiệm vụ được giao và khả năng nguồn tài chính, đơn vị được quyết định mức chi hoạt động chuyên môn, chi quản lý, nhưng tối đa không vượt quá mức chi do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.

b) Đối với nội dung chi từ nguồn tài chính quy định tại điểm b Khoản 1 Điều này: Đơn vị được quyền tự chủ quyết định các khoản chi thường xuyên theo quy chế chi tiêu nội bộ và phải hạch toán riêng các khoản chi phí trực tiếp cho việc cung cấp dịch vụ theo quy định. Ngân sách nhà nước không cấp bù kinh phí trong trường hợp đơn vị không có nguồn chênh lệch thu lớn chi từ hoạt động dịch vụ của đơn vị.

c) Chi nhiệm vụ không thường xuyên: Đơn vị chi theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và pháp luật hiện hành đối với từng nguồn kinh phí quy định tại Điểm c (phần được để lại chi mua sắm, sửa chữa lớn trang thiết bị, tài sản phục vụ công tác thu phí), Điểm e và Điểm g Khoản 1 Điều này.

3. Phân phối kết quả tài chính trong năm

a) Hàng năm, sau khi hạch toán đầy đủ các khoản chi phí, nộp thuế và các khoản nộp ngân sách nhà nước khác (nếu có) theo quy định, phần chênh lệch thu lớn hơn chi hoạt động thường xuyên (nếu có), đơn vị được sử dụng theo trình tự như sau:

- Trích tối thiểu 15% để lập Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp;
- Trích lập Quỹ bổ sung thu nhập tối đa không quá 2 lần quỹ tiền lương ngạch, bậc, chức vụ và các khoản phụ cấp lương do Nhà nước quy định;
- Trích lập Quỹ khen thưởng và Quỹ phúc lợi tối đa không quá 2 tháng tiền lương, tiền công thực hiện trong năm của đơn vị;
- Trích lập Quỹ khác theo quy định của pháp luật;
- Phần chênh lệch thu lớn hơn chi còn lại (nếu có) sau khi đã trích lập các quỹ theo quy định được bổ sung vào Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp.

Trường hợp chênh lệch thu lớn hơn chi bằng hoặc nhỏ hơn một lần quỹ tiền lương ngạch, bậc, chức vụ thực hiện trong năm, đơn vị được quyết định sử dụng theo trình tự sau: Trích lập Quỹ bổ sung thu nhập; Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi, Quỹ khác (nếu có).

b) Mức trích cụ thể của các quỹ theo quy định tại Điểm a Khoản này và việc sử dụng các quỹ do thủ trưởng đơn vị quyết định theo quy chế chi tiêu nội bộ và phải công khai trong đơn vị. Nội dung chi từ các quỹ thực hiện theo quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều 12 Nghị định này.

Điều 12. Tự chủ tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên (theo chức năng, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao, không có nguồn thu hoặc nguồn thu thấp)

1. Nguồn tài chính của đơn vị

a) Ngân sách nhà nước cấp chi thường xuyên trên cơ sở số lượng người làm việc và định mức phân bổ dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Nguồn thu khác (nếu có);

c) Ngân sách nhà nước cấp kinh phí thực hiện các nhiệm vụ không thường xuyên quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều 12 Nghị định này (nếu có);

d) Nguồn viện trợ, tài trợ theo quy định của pháp luật.

2. Nội dung chi của đơn vị

a) Chi thường xuyên: Đơn vị được sử dụng nguồn tài chính giao tự chủ quy định tại các Điểm a, Điểm b Khoản 1 Điều này để chi thường xuyên. Một số nội dung chi được quy định như sau:

- Chi tiền lương: Đơn vị chi trả tiền lương theo lương ngạch, bậc, chức vụ và các khoản phụ cấp do Nhà nước quy định đối với đơn vị sự nghiệp công. Khi Nhà nước điều chỉnh tiền lương, đơn vị tự bảo đảm tiền lương tăng thêm từ các nguồn theo quy định, bao gồm cả nguồn ngân sách nhà nước cấp bổ sung;

- Chi hoạt động chuyên môn, chi quản lý: Đơn vị được quyết định mức chi nhưng tối đa không vượt quá mức chi do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.

b) Chi nhiệm vụ không thường xuyên: Đơn vị chi theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và pháp luật hiện hành đối với từng nguồn kinh phí quy định tại Điểm c và Điểm d Khoản 1 Điều này.

3. Sử dụng kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên

a) Hàng năm, sau khi trang trải các khoản chi phí, nộp thuế và các khoản nộp ngân sách nhà nước khác (nếu có) theo quy định, phần kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên (nếu có), đơn vị được sử dụng theo trình tự như sau:

- Trích tối thiểu 5% để lập Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp;

- Trích lập Quỹ bổ sung thu nhập tối đa không quá 01 lần quỹ tiền lương ngạch, bậc, chức vụ và các khoản phụ cấp lương do Nhà nước quy định;

- Trích lập Quỹ khen thưởng và Quỹ phúc lợi tối đa không quá 01 tháng tiền lương, tiền công thực hiện trong năm của đơn vị;

- Trích lập Quỹ khác theo quy định của pháp luật;

Trường hợp chênh lệch thu lớn hơn chi bằng hoặc nhỏ hơn một lần quỹ tiền lương ngạch, bậc, chức vụ thực hiện trong năm, đơn vị được quyết định mức trích vào các quỹ cho phù hợp theo quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

b) Mức trích cụ thể của các quỹ theo quy định tại Điểm a Khoản này và việc sử dụng các quỹ do thủ trưởng đơn vị quyết định theo quy chế chi tiêu nội bộ và phải công khai trong đơn vị. Nội dung chi từ các quỹ thực hiện theo quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều 12 Nghị định này.

Điều 13. Các xác định mức độ tự bảo đảm chi thường xuyên của đơn vị sự nghiệp công

Mức độ tự bảo đảm chi thường xuyên của đơn vị sự nghiệp công được xác định theo công thức sau:

$$\text{Mức tự bảo đảm kinh phí chi thường xuyên (\%)} = \frac{\text{Tổng các nguồn thu sự nghiệp}}{\text{Tổng số chi thường xuyên}} \times 100\%$$

Trong đó:

1. Tổng các nguồn thu sự nghiệp, gồm:

a) Các khoản thu từ hoạt động dịch vụ sự nghiệp công thuộc danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước (bao gồm cả nguồn ngân sách nhà nước đặt hàng); nguồn thu phí được để lại theo pháp luật về phí, nguồn thu khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

b) Nguồn chênh lệch thu lớn hơn chi (sau khi đã thực hiện các nghĩa vụ với nhà nước hoặc nộp cấp trên theo quy định) từ các hoạt động cung cấp dịch vụ sự nghiệp công không sử dụng ngân sách nhà nước, hợp tác, liên doanh, liên kết, hoạt động sản xuất, kinh doanh theo quy định tại Nghị định này.

2. Tổng số chi thường xuyên gồm các nội dung chi theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 9, Điểm a Khoản 2 Điều 10, Điểm a Khoản 2 Điều 11 và Điểm a Khoản 2 Điều 12 Nghị định này để đơn vị thực hiện nhiệm vụ, cung ứng dịch vụ sự nghiệp công thuộc danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền giao.

3. Tổng các nguồn thu sự nghiệp và tổng số chi thường xuyên được tính theo dự toán thu, chi của năm đầu thời kỳ ổn định.

Riêng nguồn chênh lệch thu lớn hơn chi quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều này được xác định tối thiểu bằng mức trung bình của 03 năm trước liền kề hoặc mức cao hơn theo dự toán năm đầu thời kỳ ổn định do đơn vị xác định.

Điều 14. Tự chủ trong giao dịch tài chính

1. Mở tài khoản giao dịch

a) Đơn vị sự nghiệp công được mở tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng thương mại hoặc Kho bạc Nhà nước để phản ánh các khoản thu, chi hoạt động dịch vụ sự nghiệp công không sử dụng ngân sách nhà nước.

b) Các khoản kinh phí thuộc ngân sách nhà nước, các khoản thu dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước, các khoản thu phí theo pháp luật về phí, lệ phí, đơn vị mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước để phản ánh.

2. Vay vốn, huy động vốn

Đơn vị sự nghiệp công có hoạt động dịch vụ được vay vốn của các tổ chức tín dụng, huy động vốn của cán bộ, viên chức trong đơn vị để đầu tư mở rộng và nâng cao chất lượng hoạt động sự nghiệp, tổ chức hoạt động dịch vụ phù hợp

với chức năng, nhiệm vụ. Riêng các đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư được vay vốn, huy động vốn để đầu tư, xây dựng cơ sở vật chất theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 12 Nghị định này. Khi thực hiện vay vốn, huy động vốn, đơn vị sự nghiệp công phải có phương án tài chính khả thi, tự chịu trách nhiệm trả nợ vay, lãi vay theo quy định; chịu trách nhiệm trước pháp luật về hiệu quả của việc vay vốn, huy động vốn.

Điều 15. Quản lý, sử dụng tài sản công

Đơn vị sự nghiệp công có trách nhiệm quản lý, sử dụng tài sản công (như trích khấu hao và hao mòn tài sản cố định, sử dụng số tiền thu được từ việc xử lý tài sản công, sử dụng tài sản công tại đơn vị vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết) theo quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017, Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, các văn bản hướng dẫn hiện hành và văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

Điều 16. Tự chủ trong hoạt động liên doanh, liên kết

1. Đơn vị sự nghiệp công được quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm liên doanh, liên kết với các tổ chức, cá nhân để hoạt động dịch vụ đáp ứng nhu cầu của xã hội. Căn cứ đề án liên doanh, liên kết được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều 44 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công quyết định cụ thể việc liên doanh, liên kết theo các hình thức sau:

a) Hình thức liên doanh, liên kết thành lập pháp nhân mới theo quy định của pháp luật. Pháp nhân mới có trách nhiệm quản lý, sử dụng tài sản theo quy định của pháp luật và Hợp đồng liên doanh, liên kết; được hưởng chính sách khuyến khích xã hội hóa theo quy định của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa nếu đáp ứng danh mục các loại hình, tiêu chí, quy mô, tiêu chuẩn do Thủ tướng Chính phủ quy định.

b) Hình thức liên doanh, liên kết không thành lập pháp nhân mới. Việc quản lý, sử dụng tài sản công của đơn vị tham gia liên doanh, liên kết và sau khi góp vốn thực hiện theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, các văn bản hướng dẫn và Hợp đồng liên doanh, liên kết.

2. Đơn vị sự nghiệp công có hoạt động liên doanh, liên kết theo hình thức quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định loại hình đơn vị, cơ chế hoạt động của pháp nhân mới như sau:

a) Đối với trường hợp liên doanh, liên kết để thành lập đơn vị sự nghiệp công trực thuộc theo quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công: Áp dụng cơ chế tự chủ đối với đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư theo quy định tại Nghị định này.

b) Đối với trường hợp liên doanh, liên kết để thành lập doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp: Căn cứ tỷ lệ vốn góp, thành viên tham gia góp

vốn để xác định loại hình doanh nghiệp phù hợp theo quy định của Luật Doanh nghiệp (công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên).

3. Số tiền thu được từ kết quả của hoạt động liên doanh, liên kết, sau khi chi trả các chi phí hợp lý có liên quan, trả nợ vốn vay (nếu có), thực hiện nghĩa vụ nộp thuế và các khoản nộp ngân sách nhà nước khác (nếu có) theo quy định của pháp luật; phần được chia còn lại của đơn vị sự nghiệp công được quản lý và sử dụng theo quy định như sau:

a) Đối với hình thức liên doanh, liên kết không thành lập pháp nhân mới: Đơn vị sự nghiệp công thực hiện bổ sung toàn bộ phần chênh lệch, thu, chi vào nguồn tài chính của đơn vị có hoạt động liên doanh, liên kết theo đề án được duyệt.”

b) Đối với hình thức liên doanh, liên kết thành lập pháp nhân mới

- Bổ sung 50 % phần được chia còn lại vào nguồn thu sự nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập cấp trên quản lý trực tiếp theo đề án liên doanh, liên kết được phê duyệt.

- Đối với 50% phần phần được chia còn lại, đơn vị được chủ động trích lập và sử dụng các quỹ theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 17. Nghĩa vụ tài chính và quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị sự nghiệp công

1. Đơn vị sự nghiệp công có hoạt động dịch vụ thực hiện đăng ký, kê khai, nộp đủ thuế và các khoản thu ngân sách khác (nếu có) theo quy định của pháp luật.

2. Đơn vị sự nghiệp công có trách nhiệm xây dựng và ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ, gửi cơ quan quản lý cấp trên. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Quy chế, trường hợp Quy chế có quy định không phù hợp với quy định của Nhà nước, cơ quan quản lý cấp trên có ý kiến bằng văn bản yêu cầu đơn vị điều chỉnh lại cho phù hợp.

Sau thời hạn nêu trên, nếu cơ quan quản lý cấp trên không có ý kiến, đơn vị triển khai thực hiện theo Quy chế, đồng thời gửi cơ quan tài chính cùng cấp để theo dõi, giám sát thực hiện, Kho bạc Nhà nước nơi đơn vị mở tài khoản giao dịch để làm căn cứ kiểm soát chi.

Mục 3

LẬP, CHẤP HÀNH DỰ TOÁN THU, CHI

Điều 18. Lập dự toán

1. Lập dự toán đối với đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư; đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên

a) Hàng năm căn cứ vào kết quả thực hiện về số lượng, khối lượng dịch vụ; tình hình thu, chi hoạt động cung cấp dịch vụ sự nghiệp công và các dịch vụ khác của năm hiện hành; yêu cầu nhiệm vụ của năm kế hoạch, đơn vị lập kế

hoạch về số lượng, khối lượng dịch vụ và dự toán thu, chi báo cáo cơ quan quản lý cấp trên;

b) Đối với dịch vụ sự nghiệp công do Nhà nước đặt hàng: Hàng năm căn cứ đơn giá, số lượng, khối lượng dịch vụ sự nghiệp công được đặt hàng theo hướng dẫn của Bộ, cơ quan Trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, đơn vị lập dự toán gửi cơ quan quản lý cấp trên theo quy định.

2. Lập dự toán đối với đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên: Căn cứ tình hình thực hiện năm hiện hành, nhiệm vụ của năm kế hoạch, đơn vị lập kế hoạch về số lượng, khối lượng dịch vụ sự nghiệp công và dự toán thu, chi báo cáo cơ quan quản lý cấp trên theo quy định.

3. Lập dự toán đối với đơn vị sự nghiệp công do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên (theo chức năng, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao, không có nguồn thu hoặc nguồn thu thấp): Căn cứ tình hình thực hiện năm hiện hành, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao trong năm kế hoạch, số lượng người làm việc được cấp có thẩm quyền phê duyệt, chế độ chi tiêu hiện hành, đơn vị lập dự toán thu, chi gửi cơ quan quản lý cấp trên theo quy định.

4. Lập dự toán thu, chi phí theo pháp luật về phí, lệ phí, các nhiệm vụ không thường xuyên theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

5. Hàng năm, căn cứ vào dự toán thu, chi do đơn vị sự nghiệp công xây dựng, cơ quan quản lý cấp trên có trách nhiệm xem xét, tổng hợp dự toán thu, chi của đơn vị gửi cơ quan tài chính và cơ quan có liên quan theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 19. Phân bổ và giao dự toán

1. Việc phân bổ và giao dự toán của cơ quan quản lý cấp trên cho đơn vị sự nghiệp công thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

2. Căn cứ lộ trình tính giá dịch vụ sự nghiệp công quy định tại Nghị định này, cơ quan quản lý cấp trên thực hiện đặt hàng đối với đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên; đặt hàng, giao kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước đối với đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên.

3. Đối với đơn vị sự nghiệp công do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên (theo chức năng, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao, không có nguồn thu hoặc nguồn thu thấp): Cơ quan quản lý cấp trên thực hiện giao dự toán ổn định trong thời gian 3 năm và được điều chỉnh khi Nhà nước thay đổi nhiệm vụ, cơ chế chính sách theo quy định.

Mục 5 QUY ĐỊNH VỀ VẬN DỤNG CƠ CHẾ TÀI CHÍNH NHƯ DOANH NGHIỆP

Điều 20. Nội dung áp dụng cơ chế tài chính như doanh nghiệp đối với đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư

Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư được áp dụng cơ chế tài chính như doanh nghiệp (công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ) theo nội dung như sau:

1. Được xác định vốn điều lệ và đơn vị sự nghiệp công có trách nhiệm bảo toàn, phát triển vốn;

2. Quản lý doanh thu, chi phí; thực hiện chế độ kế toán, thống kê áp dụng như doanh nghiệp. Trong đó, chi phí tiền lương được quy định như sau:

a) Tiền lương theo doanh thu hoặc lương khoán được tính vào chi phí khi xác định thu nhập chịu thuế theo quy định của pháp luật thuế thu nhập doanh nghiệp. Khi Nhà nước điều chỉnh tiền lương, đơn vị tự bảo đảm tiền lương tăng thêm từ nguồn thu của đơn vị (ngân sách nhà nước không cấp bổ sung).

b) Căn cứ vào tình hình thực tế kết quả hoạt động tài chính của đơn vị, thủ trưởng đơn vị có thể áp dụng hệ số thang bảng lương của người quản lý và người lao động áp dụng đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị để quyết định chi trả tiền lương theo kết quả hoạt động và phải chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

c) Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Bộ Nội vụ và các Bộ liên quan hướng dẫn việc thực hiện chi trả tiền lương theo quy định tại Khoản này.

3. Phân phối lợi nhuận

Hàng năm, sau khi hạch toán đầy đủ các khoản chi phí, nộp thuế và các khoản nộp ngân sách nhà nước khác (nếu có) theo quy định, phần lợi nhuận còn lại được phân phối theo thứ tự như sau:

a) Trích tối đa 30% vào quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp;

b) Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho người lao động: Tối đa không quá 3 tháng lương thực hiện;

c) Trích quỹ thưởng người quản lý, kiểm soát viên: Tối đa 1,5 tháng lương thực hiện của người quản lý, kiểm soát viên;

d) Quỹ dự phòng cho người lao động không được vượt quá 17% quỹ tiền lương thực hiện của người lao động

đ) Trích lập các Quỹ khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

e) Trường hợp số lợi nhuận còn lại sau khi trích lập Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp quy định tại Điểm a Khoản này mà không đủ nguồn để trích các quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng người quản lý, kiểm soát viên theo mức quy định thì đơn vị sự nghiệp công được giảm trừ phần lợi nhuận trích lập quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp để bổ sung nguồn trích lập đủ quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng người quản lý, kiểm soát viên theo mức quy định, nhưng mức giảm tối đa không quá mức trích vào Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp trong năm tài chính.

g) Lợi nhuận còn lại sau khi trích lập các quỹ quy định tại các Điểm a, b, c, d, đ và e của Khoản này, đơn vị sự nghiệp công được bổ sung vào Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị.

4. Quản lý, sử dụng, trích khấu hao tài sản cố định theo quy định áp dụng cho doanh nghiệp;

5. Được vay vốn, huy động vốn, đầu tư vốn ra ngoài đơn vị theo quy định của pháp luật đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

Điều 21. Nội dung áp dụng cơ chế tài chính như doanh nghiệp đối với đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên

1. Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên được thực hiện cơ chế chi trả tiền lương theo quy định tại Khoản 2 Điều 26 của Nghị định này và phải có cam kết về tổng mức kinh phí trích lập quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của năm thực hiện (không bao gồm mức trích khấu hao tài sản cố định) không thấp hơn mức kinh phí trích lập Quỹ của năm trước liền kề.

2. Phân phối lợi nhuận

Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên thực hiện cơ chế chi trả tiền lương theo quy định tại Khoản 1 Điều này, hàng năm, sau khi hạch toán đầy đủ các khoản chi phí, nộp thuế và các khoản nộp ngân sách nhà nước khác (nếu có) theo quy định, phần lợi nhuận còn lại được phân phối theo thứ tự như sau:

a) Trích tối đa 30% vào quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp;

b) Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho người lao động: Tối đa không quá 1,5 tháng lương thực hiện;

c) Trích quỹ thưởng người quản lý, kiểm soát viên: Tối đa 1 tháng lương thực hiện của người quản lý, kiểm soát viên;

d) Quỹ dự phòng cho người lao động không được vượt quá 17% quỹ tiền lương thực hiện của người lao động

đ) Trích lập các Quỹ khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

e) Trường hợp số lợi nhuận còn lại sau khi trích lập Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp quy định tại Điểm a Khoản này mà không đủ nguồn để trích các quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng người quản lý, kiểm soát viên theo mức quy định thì đơn vị sự nghiệp công được giảm trừ phần lợi nhuận trích lập quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp để bổ sung nguồn trích lập đủ quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng người quản lý, kiểm soát viên theo mức quy định, nhưng mức giảm tối đa không quá mức trích vào Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp trong năm tài chính.

Điều 22. Phê duyệt Đề án áp dụng cơ chế tài chính như doanh nghiệp

1. Căn cứ nội dung quy định tại Điều 20 và Điều 21 của Nghị định này, đơn vị sự nghiệp công xây dựng Đề án áp dụng cơ chế tài chính như doanh nghiệp, báo cáo các Bộ, cơ quan Trung ương, địa phương để phê duyệt theo

phân cấp. Chi phí xây dựng Đề án và các chi phí khác có liên quan do đơn vị sự nghiệp công chi trả và được tính trong chi phí hợp lý của đơn vị.

2. Các Bộ, cơ quan Trung ương xem xét quyết định đơn vị sự nghiệp công trực thuộc được áp dụng cơ chế tài chính như doanh nghiệp, sau khi có ý kiến bằng văn bản của Bộ Tài chính. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (hoặc cơ quan cấp dưới theo phân cấp) xem xét quyết định đơn vị sự nghiệp công trực thuộc được áp dụng cơ chế tài chính như doanh nghiệp, sau khi có ý kiến bằng văn bản của cơ quan tài chính địa phương. Chi phí thâm định Đề án do ngân sách nhà nước bảo đảm theo phân cấp.

3. Các Bộ, cơ quan Trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong phạm vi thẩm quyền chỉ đạo các đơn vị sự nghiệp công rà soát, xây dựng lộ trình để đơn vị sự nghiệp công đủ điều kiện được áp dụng cơ chế tài chính như doanh nghiệp.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 23. Giao quyền tự chủ cho đơn vị sự nghiệp công

1. Đơn vị sự nghiệp công xây dựng phương án tự chủ phù hợp với kế hoạch và điều kiện thực tế của đơn vị, báo cáo cơ quan quản lý cấp trên để phê duyệt, sau khi có ý kiến bằng văn bản của cơ quan tài chính cung cấp.

2. Việc giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các đơn vị sự nghiệp công quy định tại Chương II Nghị định này được ổn định trong thời gian từ 3 đến 5 năm. Trường hợp nguồn thu, nhiệm vụ của đơn vị có biến động làm thay đổi mức độ tự chủ tài chính, đơn vị báo cáo cơ quan quản lý cấp trên để xem xét điều chỉnh mức độ tự chủ cho đơn vị trước thời hạn.

Điều 24. Trách nhiệm của các Bộ, cơ quan Trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan Trung ương trình Thủ tướng Chính phủ ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung:

a) Danh mục chi tiết dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ, cơ quan Trung ương cho phù hợp với tình hình thực tế trong từng thời kỳ;

b) Quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công cung ứng dịch vụ sự nghiệp công thuộc Bộ, cơ quan Trung ương;

2. Các Bộ, cơ quan Trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, căn cứ phạm vi quản lý, chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm:

a) Ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật áp dụng trong các lĩnh vực dịch vụ sự nghiệp công do Nhà nước quản lý; trình cấp có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực được giao theo quy định tại Nghị định này để làm cơ sở giao nhiệm

vụ đặt hàng hoặc đấu thầu cung ứng dịch vụ sự nghiệp công theo quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP của Chính phủ.

b) Rà soát, sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng, cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng dịch vụ sự nghiệp công; hiệu quả hoạt động của đơn vị sự nghiệp công; thực hiện thanh tra, kiểm tra, xử phạt vi phạm trong hoạt động cung ứng dịch vụ sự nghiệp công và tổ chức thực hiện các nội dung khác về trách nhiệm quản lý nhà nước đối với dịch vụ sự nghiệp công và đơn vị sự nghiệp công quy định tại Nghị định này.

3. Bộ Tài chính có trách nhiệm:

a) Quy định về các chỉ tiêu xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ; biểu mẫu báo cáo đánh giá tài chính của đơn vị sự nghiệp công cho cơ quan quản lý cấp trên, cơ quan chủ quản và Bộ Tài chính để làm cơ sở xác định phân loại mức độ tự bảo đảm chi thường xuyên của đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của Nghị định này.

b) Hướng dẫn cơ chế xác định vốn như doanh nghiệp; trình Chính phủ ban hành quy chế quản lý, giám sát tài chính và sử dụng vốn nhà nước tại các đơn vị sự nghiệp công

Điều 25. Trách nhiệm của Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công

1. Chịu trách nhiệm trước cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp và trước pháp luật đối với các quyết định thực hiện quyền tự chủ về nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, nhân sự và tài chính của đơn vị.

2. Bảo đảm chất lượng dịch vụ sự nghiệp công theo các tiêu chí, tiêu chuẩn do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.

3. Xây dựng và tổ chức thực hiện quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế sử dụng tài sản, quy chế dân chủ cơ sở, quy chế công khai tài chính, kiểm toán nội bộ theo quy định.

4. Tổ chức, thực hiện quản lý, sử dụng viên chức theo quy định của pháp luật về viên chức.

5. Quản lý, bảo toàn và phát triển vốn, tài sản của Nhà nước giao, thực hiện chế độ hạch toán kế toán, thống kê, thông tin, báo cáo hoạt động, kiểm toán theo quy định.

6. Trình cơ quan có thẩm quyền quyết định thành lập và quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Hội đồng quản lý theo quy định.

7. Thực hiện quy định công khai, trách nhiệm giải trình hoạt động của đơn vị theo quy định của pháp luật.

Điều 26. Điều khoản chuyển tiếp

1. Trong giai đoạn 2021-2025, ngân sách nhà nước thực hiện lộ trình giảm dần kinh phí hỗ trợ chi thường xuyên trực tiếp đối với các đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do

nhà nước bảo đảm chi phí (tương ứng với phân tăng thu do điều chỉnh giá dịch vụ và số lượng dịch vụ cung cấp).

2. Các đơn vị sự nghiệp công đã được giao quyền tự chủ theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập (Nghị định số 43/2006/NĐ-CP), Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập (Nghị định số 54/2016/NĐ-CP); Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác (Nghị định số 141/2016/NĐ-CP), nếu còn trong giai đoạn ổn định thì năm 2020 chuyển sang thực hiện theo quy định tại Nghị định này.

Đơn vị sự nghiệp công thực hiện thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động theo Nghị quyết số 77/NQ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ về thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động đối với cơ sở giáo dục đại học công lập giai đoạn 2014-2017, đơn vị sự nghiệp công được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ cho phép thực hiện thí điểm cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm toàn diện về chi thường xuyên và chi đầu tư chuyển sang thực hiện theo cơ chế tự chủ tài chính quy định tại Nghị định này sau khi Nghị định có hiệu lực.

3. Các đơn vị sự nghiệp công đã được giao quyền tự chủ giai đoạn 2018-2020 theo Nghị định số 54/2016/NĐ-CP và Nghị định số 141/2016/NĐ-CP thì tiếp tục thực hiện theo phương án tự chủ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Trường hợp trong năm 2020 đơn vị có thay đổi về chức năng, nhiệm vụ hoặc có biến động về nguồn thu làm thay đổi mức độ tự đảm bảo kinh phí chi thường xuyên, đơn vị xây dựng phương án tự chủ về tài chính theo quy định tại Khoản 1 Điều 32 Nghị định này để trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt.

4. Số dư quỹ dự phòng ổn định thu nhập đã trích lập theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP của Chính phủ, nếu còn dư đến ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì được chuyển vào Quỹ bổ sung thu nhập của đơn vị.

Điều 27. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2020 và thay thế quy định về tự chủ tài chính tại Chương II (Mục 3) và Chương III Nghị định số 16/2015/NĐ-CP; thay thế Nghị định số 54/2016/NĐ-CP, Nghị định số 141/2016/NĐ-CP và Nghị định số 85/2012/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ về cơ chế hoạt động, cơ chế tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp y tế công lập và giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập.

2. Căn cứ quy định tại Nghị định này và các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính, các Bộ, cơ quan Trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện giao quyền tự chủ tài chính cho các đơn vị sự nghiệp công thuộc phạm vi quản lý.

3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KTTH (3b).

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**

Nguyễn Xuân Phúc